



Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

Địa chỉ: Số 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ

Số điện thoại: 02926.516.483 - Số fax: 02923.917.395

Website: www.canthoport.com.vn

2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

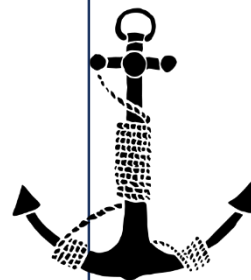
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ



Mục lục

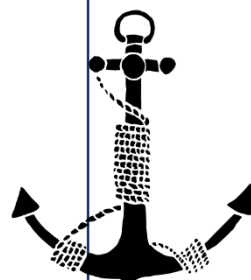
01. GIỚI THIỆU CHUNG

- ✓ Thông tin khái quát
- ✓ Quá trình hình thành & phát triển
- ✓ Ngành nghề kinh doanh
- ✓ Sơ đồ tổ chức
- ✓ Định hướng phát triển
- ✓ Các rủi ro



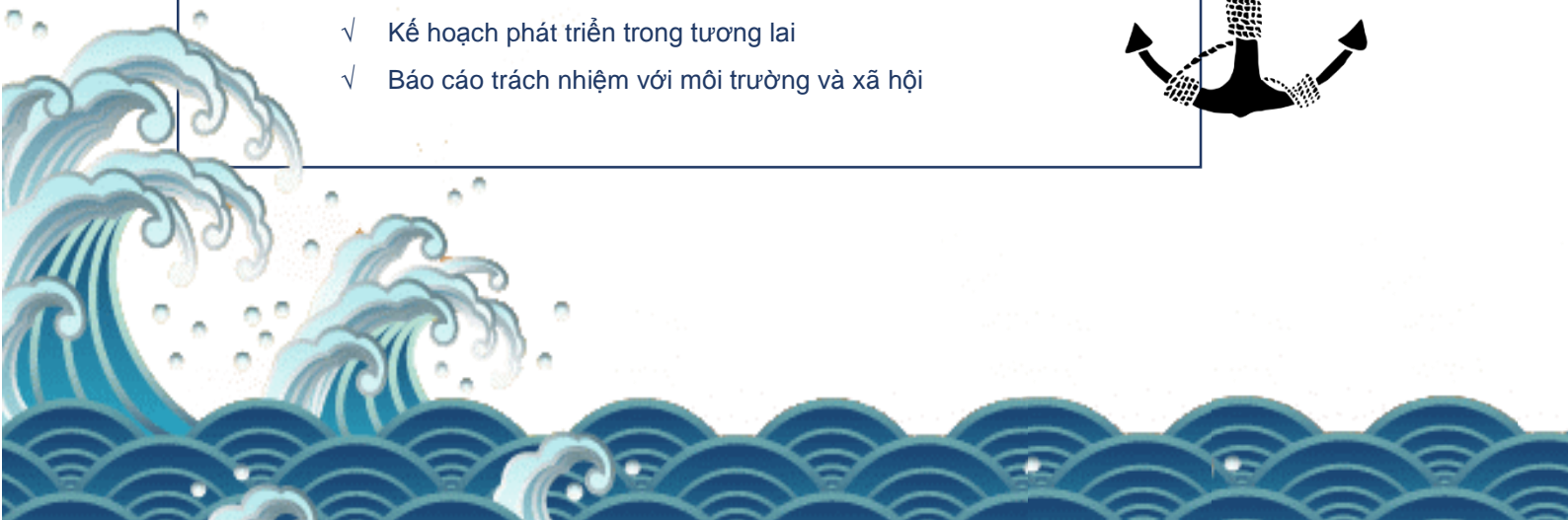
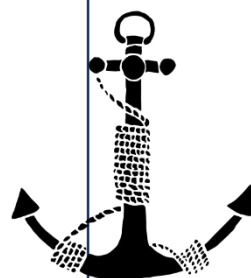
02. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

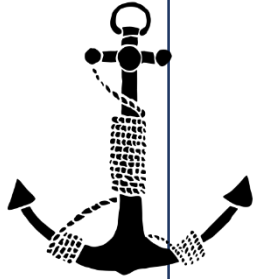
- ✓ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✓ Tổ chức nhân sự
- ✓ Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Cơ cấu cổ đông
- ✓ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



03. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

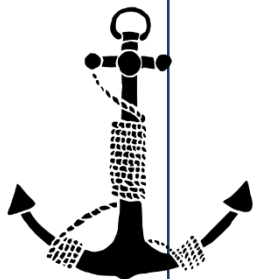
- ✓ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Những cải tiến trong năm
- ✓ Kế hoạch phát triển trong tương lai
- ✓ Báo cáo trách nhiệm với môi trường và xã hội





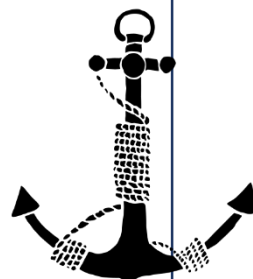
04. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

- ✓ Về các mặt hoạt động của Công ty
- ✓ Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- ✓ Các kế hoạch, định hướng của HĐQT



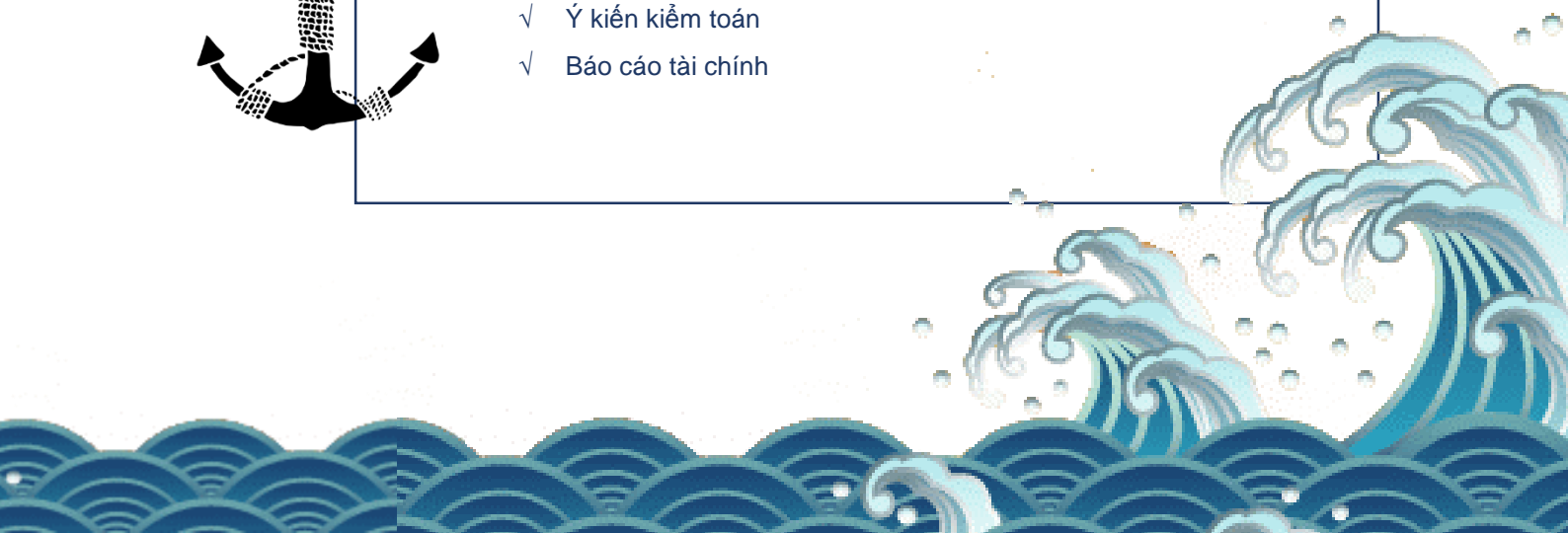
05. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ✓ Hội Đồng Quản Trị
- ✓ Ban Kiểm Soát
- ✓ Thù lao và các giao dịch



06. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- ✓ Ý kiến kiểm toán
- ✓ Báo cáo tài chính



01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành & phát triển
- Ngành nghề kinh doanh
- Sơ đồ tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
Tên tiếng anh:	Can Tho Port Joint Stock Company
Giấy chứng nhận ĐKDN số:	1801319907, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19/04/2017
Vốn điều lệ:	284.800.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	284.800.000.000 đồng
Địa chỉ:	02 Khu vực Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Số điện thoại:	0292 6 526 483
Số fax:	0292 3 917 395
Website:	www.canthoport.com.vn
Email:	canthoport.info@gmail.com
Mã cổ phiếu:	CCT



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Cảng Cần Thơ được thành lập trên cơ sở tiếp nhận một quân cảng thuộc Tiểu đoàn 804, Trung đoàn 659, Quân khu 9.

08/1980

Cảng Cần Thơ trở thành doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Cần Thơ.

1980-1992

Cảng Cần Thơ trở thành Doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam.

1998

Cảng Cần Thơ được tổ chức lại thành đơn vị hạch toán phụ thuộc Cảng Sài Gòn.

7/2002

Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ đã thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

2014

Hoàn thành giai đoạn 1 Cảng Cái Cui và thành lập Công ty Cảng Cái Cui trực thuộc UBND thành phố Cần Thơ.

Cảng Cần Thơ lại được trả về làm đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

2006

Cảng Cái Cui được chuyển về trực thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

2007

Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang thành Công ty cổ phần.

2/2013

Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ chính thức thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị thành viên là Cảng Cần Thơ (cũ) và Cảng Cái Cui.

10/2013

25/03/2015, Công ty tổ chức thành công Đại hội cổ đông thành lập Công ty CP Cảng Cần Thơ.

31/03/2015, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty CP với mức vốn điều lệ 284.800.000.000 đồng.

2015

25/04/2016, Công ty CP Cảng Cần Thơ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ Công ty đại chúng;

01/07/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán với tổng số lượng chứng khoán đăng ký lưu ký lần đầu là 28.480.000 cổ phiếu.

2016

20/06/2017, Công ty được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu.

30/06/2017, cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã chứng khoán CCT.

2017

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ⊗ Bốc xếp vận tải;
- ⊗ Cho thuê bến bãi và dịch vụ lưu kho bảo quản;
- ⊗ Cung ứng xăng dầu;
- ⊗ Kinh doanh dịch vụ phụ trợ khác;

Hoạt động bốc xếp, vận tải:

- ⊗ **Về hoạt động bốc xếp:** bao gồm các dịch vụ bốc xếp hàng container, dịch vụ thu gom, bốc xếp hàng tổng hợp,... Đây là dịch vụ kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Cảng Cần Thơ qua từng năm. Công ty hiện đang sở hữu và khai thác các loại cần trục có sức nâng từ 25 – 250 tấn, đủ khả năng bốc xếp cho các tàu có tải trọng lớn, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí bốc dỡ.
- ⊗ **Về hoạt động vận tải:** Công ty hiện đang sở hữu các đội sà lan, tàu lai dắt, đội xe tải container chuyên nghiệp, đáp ứng được các hoạt động vận tải hàng hóa đường thủy và đường bộ. Ngoài ra, Công ty còn liên kết với các công ty chuyên vận tải hàng hóa nhằm đáp ứng nhanh chóng và hiệu quả mọi nhu cầu của khách hàng.



Dịch vụ lưu kho bãi



- ⊗ Kho và dịch vụ lưu kho: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ đang sở hữu một hệ thống nhà kho với diện tích sử dụng lớn nhằm bảo quản và lưu trữ hàng hóa được tốt hơn. Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong việc kiểm soát, lưu trữ hàng hóa, có phương thức đóng gói hàng hóa cẩn thận, chính xác giúp tiết kiệm diện tích và giảm thiểu các chi phí phát sinh để có thể tận dụng tối đa diện tích kho bãi. Dịch vụ lưu kho của Công ty có tỉ lệ lấp đầy rất cao, có những thời điểm diện tích lấp đầy lên tới 100.
- ⊗ Bãi và dịch vụ cho thuê bến bãi: Với tổng cộng hơn 143.000 m² bãi hàng hóa ở hai Cảng Cái Cui và Cảng Hoàng Diệu, Công ty hiện đang sở hữu cơ sở hạ tầng bãi lớn nhất so với các Cảng khác trong khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, tỉ lệ lấp đầy chung toàn Công ty hiện ở mức 42%.

Hoạt động cung ứng xăng dầu

☉ Là một trong những dịch vụ kinh doanh truyền thống của Cảng. Trong thời gian qua, dịch vụ cung ứng xăng dầu cho các đối tượng tàu chở hàng hóa qua cảng và các đơn vị vận tải trong cảng đang phát triển trở thành một trong những nhóm dịch vụ thường xuyên mang lại nguồn thu đáng kể trong tương lai của Công ty.



Hoạt động kinh doanh khác



☉ Ngoài các nhóm dịch vụ chính kể trên, Công ty hiện còn cung cấp các dịch vụ giao nhận, cung ứng hàng hải, dịch vụ cho thuê tàu lại và các dịch vụ khác. Các dịch vụ phụ trợ này tuy chiếm tỷ trọng doanh thu không cao nhưng lại đóng vai trò hỗ trợ quan trọng, giúp Công ty hình thành chuỗi cung ứng dịch vụ hàng hải đa dạng và hoàn chỉnh.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động của Công ty chủ yếu tại 2 bến cảng Cần Thơ và Cảng Cúi Cui thuộc địa bàn tỉnh Cần Thơ.

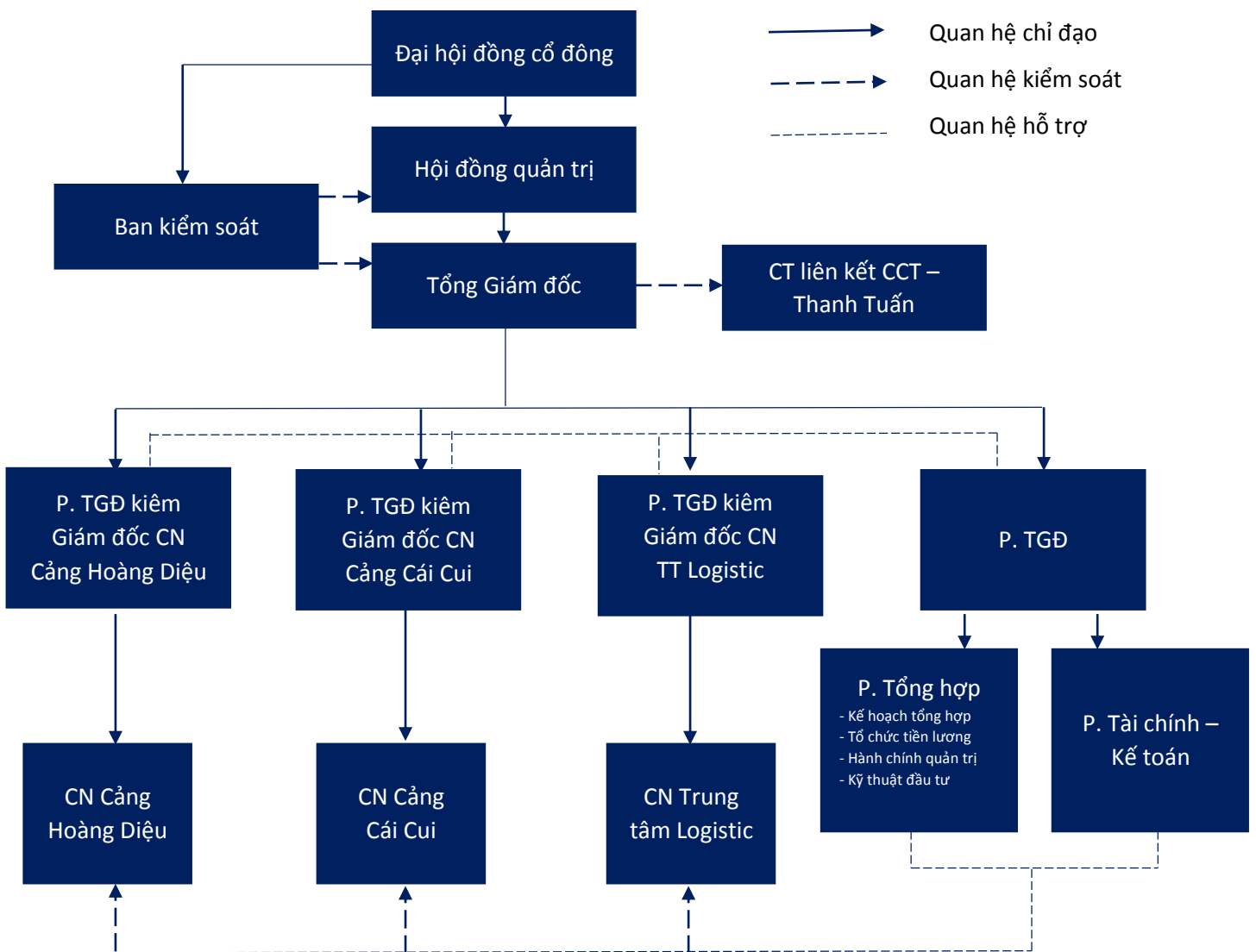


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị bao gồm:

- ↯ Đại Hội đồng cổ đông;
- ↯ Hội đồng quản trị (Chủ tịch và các thành viên HĐQT);
- ↯ Ban điều hành (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc);
- ↯ Ban Kiểm soát (Trưởng ban và các thành viên BKS);
- ↯ Phòng chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Kinh doanh – Khai thác, Phòng Kỹ thuật công nghệ công trình, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Tổ chức Hành chính;
- ↯ Các đơn vị trực thuộc.

TỔ CHỨC BỘ MÁY



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

⊗ **Công ty con:** Không có.

⊗ **Công ty liên kết:**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CẢNG CẦN THƠ – THANH TUẤN

- ↴ Giấy CNĐKKD số: 2100420844 do Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 02/08/2014, thay đổi lần 2 ngày 04/06/2014
- ↴ Địa chỉ: Hương lộ 81, ấp Cồn Ông, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
- ↴ Điện thoại: 0743 852822
- ↴ Fax: 0743 852585
- ↴ Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
- ↴ Giá trị phần vốn góp: 10.000.000.000 đồng
- ↴ Tỷ lệ nắm giữ: 50%
- ↴ Giá trị đầu tư: 4.497.251.573 đồng
- ↴ Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui	02 KV Phú Thắng, P. Tân Phú, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu	27 Lê Hồng Phong, P. Trà An, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cần Thơ	Số 02 KV Phú Thắng, P. Tân Phú, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- ⊙ Xây dựng thương hiệu Công ty cổ phần Cổ phần Cảng Cần Thơ hoạt động bền vững, uy tín trên thị trường, thực hiện quảng bá thương hiệu qua các phương tiện truyền thông, truyền hình.
- ⊙ Tiếp tục tập trung vào những lĩnh vực truyền thống, bao gồm hoạt động kho bãi, bốc xếp, dịch vụ logistics hỗ trợ vận chuyển đường thủy. Với phương châm “Năng suất – Chất lượng – An toàn – Hiệu quả” Công ty đã không ngừng cải tiến chất lượng nhằm cung cấp các dịch vụ trọn gói cho khách hàng như các dịch vụ khai thuê hải quan, tư vấn thuê mướn phương tiện vận tải, lưu trữ và vận tải hàng hóa,...
- ⊙ Đầu tư hoàn thiện dịch vụ bốc xếp container tại Cảng Cái Cui nhằm nối tuyến container quốc tế từ Cảng Phnom Penh – Cái Cui – Cái Mép Vũng Tàu bằng phương tiện vận tải thủy lớn từ 100TEUs - 300TEUs.
- ⊙ Nghiên cứu đầu tư các trang thiết bị và các giải pháp quản lý nhằm tiết kiệm tối đa tiêu hao năng lượng tại các kho hàng, văn phòng, nhất là nhiên liệu trong quá trình hoạt động của các phương tiện cơ giới bốc xếp.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI**Các mục tiêu với môi trường**

- ↓ Công ty luôn chú trọng vấn đề về môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh, tăng cường thực hiện nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường. Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty thường xuyên tổ chức các khoá huấn luyện, tuyên truyền bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức để ứng phó với những biến đổi khí hậu như hiện nay.
- ↓ Bên cạnh đó, Công ty tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy nhằm bảo đảm an toàn về người lẫn hàng hoá. Vận động cán bộ công nhân viên của Công ty tạo nếp sống văn minh như: không vứt rác bừa bãi, không xả nước thải ra môi trường,...

Các mục tiêu đối với xã hội

- ↓ Bên cạnh lợi ích chung của Cảng Cần Thơ, Công ty luôn đẩy mạnh vai trò, đóng góp đối với lợi ích của cộng đồng nhằm góp phần vào sự phát triển chung của xã hội.
- ↓ Hàng năm, Công ty trích một phần kinh phí để ủng hộ, giúp đỡ các đối tượng gặp khó khăn trên địa bàn hoạt động, đồng bào bị lũ lụt ở miền Trung, quyên góp quỹ khuyến học dành cho các học sinh chịu khó, có ý chí vượt qua hoàn cảnh không may mắn,... Qua đó, Công ty luôn nỗ lực đem đến những giá trị thiết thực, lâu dài nhằm góp phần nâng cao đời sống của cộng đồng, xã hội.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Về hoạt động khai thác cảng

- ↴ Phát triển Cảng Cái Cui thành cảng container trung tâm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long với hạ tầng kho bãi, trang thiết bị, công nghệ quản lý hiện đại. Trong khi đó, Cảng Hoàng Diệu tập trung phát triển, khai thác các loại hàng bao, hàng rời, hàng thiết bị, hàng bách hóa,... kết hợp với các chi nhánh, trạm đại diện tại Duyên Hải (Trà Vinh), Vàm Cái Sắn (Thốt nốt), Hà Tiên - Kiên Giang, tạo thành một hệ thống các bến cảng, phục vụ cho nhu cầu của khách hàng, thực hiện nhiệm vụ kinh tế, chính trị cho sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- ↴ Triển khai phát triển đồng bộ cảng biển với cơ sở hạ tầng kết nối cảng và dịch vụ sau cảng; nâng cao chất lượng dịch vụ logistics phục vụ vận tải thuận lợi, tổ chức hiệu quả quá trình vận tải trong khu vực; giảm thời gian, chi phí vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu thay vì tiếp chuyển hàng hóa trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long qua nhóm cảng biển số 5.

Về đầu tư

- ↴ Công ty tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng và thiết bị công nghệ ở hai Cảng Hoàng Diệu và Cái Cui nhằm phát huy tối đa vị thế Công ty tại khu vực. Tìm kiếm đối tác thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư, nâng cao năng lực bốc xếp hàng hóa và cung cấp các dịch vụ hàng hải.

Về tài chính

- ↴ Thi hành các chính sách tiết kiệm chi phí, hạ giá thành dịch vụ nhằm tăng tính cạnh tranh và tăng lợi nhuận cho Công ty, tận dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có, hạn chế tối đa việc đi vay, quản lý chặt chẽ các chính sách công nợ, thu hồi vốn giảm thiểu rủi ro hoạt động cho Công ty.
- ↴ Đối với các khoản nợ hiện tại, khoản nợ trong vòng 3 năm không tính lãi nhằm giảm áp lực tài chính, sau khi tình hình tài chính Công ty đi vào ổn định thì sẽ thực hiện trả dần theo lộ trình.

Về nhân sự

- ↴ Nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn, tay nghề cho người lao động nhằm đáp ứng các đòi hỏi bức thiết của thị trường trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao, phục vụ cho việc định hướng kinh doanh, phát triển sản xuất của Công ty.
- ↴ Từng bước củng cố tổ chức nhân sự, nâng cao bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phù hợp với cơ chế mới.



RỦI RO VỀ KINH TẾ

Với đặc thù kinh doanh liên quan đến hoạt động cảng biển, CTCP Cảng Cần Thơ sẽ không tránh khỏi những tác động của nền kinh tế đến hoạt động kinh doanh của mình. Chính vì thế đây là rủi ro không thể không nhắc đến trong quá trình hoạt động của Doanh nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng GDP: Tình hình kinh tế thế giới gần đây đã có nhiều chuyển biến tích cực hơn so với các giai đoạn trước và được dự đoán sẽ dần ổn định trở lại trong tương lai. Trong bối cảnh phục hồi của nền kinh tế chung, GDP Việt Nam đã tăng trưởng 6,81% so với năm 2016, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6,7%. Riêng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng hơn 20% so với năm trước, cao nhất trong vòng 5 năm gần đây, đây vừa là động lực, vừa là một cơ hội lớn cho Công ty trong năm 2018 khi việc hội nhập kinh tế trở nên phổ biến.

Lãi suất: Trong quá trình hoạt động kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh mà mỗi doanh nghiệp sẽ có cơ cấu vốn khác nhau nhưng phần lớn các doanh nghiệp sẽ vay vốn từ ngân hàng và biến động lãi suất ngân hàng sẽ có những ảnh hưởng nhất định. Với đặc thù ngành đòi hỏi đầu tư, mua sắm tài sản để đáp ứng điều kiện đấu thầu dự án trong khu vực thì rủi ro lãi suất là rủi ro mà Công ty thường gặp phải. Tuy nhiên, biến động lãi suất hiện nay được Nhà nước kiểm soát khá tốt trong biên độ nên sẽ không ảnh hưởng nhiều đến việc trả nợ, trả lãi của Công ty.

Tỷ giá: Biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến các giao dịch ngoại tệ. Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng, đôi khi sẽ có dự án với các đối tác nước ngoài. Mặc dù các giao dịch ngoại tệ không diễn ra thường xuyên nhưng Công ty luôn quan tâm đến biến động tỷ giá để có các chính sách phù hợp nhằm tối thiểu chi phí.



RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Giá nguyên liệu: Bên cạnh hoạt động kinh doanh bốc xếp hàng hóa và dịch vụ lưu kho bãi, doanh thu của Công ty còn đến từ hoạt động vận tải và cung ứng xăng dầu. Đây là mặt hàng chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước, nhưng lại phụ thuộc lớn vào biến động giá dầu thế giới. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến sự biến động giá cả nguyên liệu đầu vào nhằm cân bằng chi phí, có công tác đầu tư phù hợp đảm bảo triển khai các dự án một cách tốt nhất.

Rủi ro cạnh tranh: Trong năm 2017, bên cạnh các thuận lợi từ hiệp định FTA, sự đầu tư mạnh mẽ của nguồn vốn ngoại, Việt Nam đã tăng cường mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực và trên thế giới. Điều này vừa tác động tích cực lẫn tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của Công ty, đặc biệt sự gia tăng số lượng cảng mới và việc mở rộng thị trường, liên doanh với các đối tác nước ngoài, đặc biệt sự cạnh tranh về giá đã gây ra những áp lực khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro trên, Công ty luôn cố gắng tập trung tìm kiếm thêm khách hàng mới và mở rộng thị trường để cạnh tranh toàn diện với các doanh nghiệp trong và ngoài nước

Chính sách xuất nhập khẩu: Các chính sách thuế, phí hải quan, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, chính sách kiểm dịch, kiểm tra an toàn vệ sinh và các chính sách quản lý đặc thù từng loại hàng hóa trong từng thời kỳ sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cũng như lợi nhuận của Công ty, nhất là trong giai đoạn hội nhập như hiện nay, việc nới lỏng hoặc thắt chặt chính sách kiểm soát tái xuất đặc biệt có những yêu cầu kiểm tra gắt gao, ảnh hưởng lớn đến lượng hàng thông quan qua Cảng và đặc biệt với dịch vụ container lạnh có thời gian không linh hoạt và chi phí bảo quản, lưu kho cao. Vì vậy, việc theo sát và cập nhật thông tin các chính sách mới được Công ty chủ động và thay đổi phù hợp theo từng thời điểm kinh doanh.

Thời tiết: Việc vận chuyển hàng hóa qua Cảng chịu tác động khá lớn từ thời tiết, đặc biệt khi khu vực hoạt động xảy ra thiên tai, lũ lụt có thể khiến các hoạt động kinh doanh phải tạm ngưng, đồng thời gây khó khăn và thiệt hại cho các chuyến vận chuyển đang lưu thông và có thể ảnh hưởng tới các bên liên quan.



RỦI RO LUẬT PHÁP

Với hoạt động kinh doanh đặc thù là khai thác cảng biển, Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Quy hoạch phát triển ngành cảng biển của Chính phủ cũng như thành phố Cần Thơ. Vì thế việc cập nhật thay đổi chính sách nhằm thích ứng kịp thời luôn được Công ty chú trọng, nhất là trong giai đoạn hiện tại, Nhà nước đang có những nỗ lực trong việc điều chỉnh các văn bản luật kế toán, thuế, chứng khoán để phù hợp với sự thay đổi trong quá trình phát triển.

Để giảm thiểu những rủi ro pháp lý và đảm bảo luôn tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, Ban lãnh đạo và các bộ phận chuyên môn của Công ty luôn nghiên cứu kỹ các vấn đề pháp lý và phổ biến đến cán bộ công nhân viên để tránh các vi phạm ảnh hưởng tài chính và uy tín của Công ty.





RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Trong hoạt động kinh doanh khai thác, các cảng biển đều phải đối mặt với các vấn đề môi trường nước do liên quan đến các hoạt động của tàu thuyền ra vào cảng, xây dựng sửa chữa bến cảng, đổ phế thải, ... Sự tăng trưởng của hoạt động kinh doanh cũng đồng thời ẩn chứa nguy cơ tăng ô nhiễm môi trường từ các bến cảng.

Nhận thức bản thân là Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, Công ty luôn chú trọng thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường trong việc đầu tư xây dựng, mở rộng hạ tầng cảng cũng như các hoạt động kinh doanh.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hoả hoạn, biến động chính trị xã hội, ... đều ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể là ảnh hưởng đến tiến độ dự án cũng như gây thiệt hại đến các hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Để hạn chế tối đa các thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn tham gia đóng phí bảo hiểm cho người lao động và tài sản tại các tổ chức bảo hiểm uy tín.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động SXKD
- Tổ chức nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



Khoản mục	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	TH 2017/2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr. đồng	89.691	96.855	7.99%
Các khoản giảm trừ doanh thu	Tr. đồng	-	9	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr. đồng	89.691	96.846	7.98%
Giá vốn hàng bán	Tr. đồng	74.905	71.834	-4.10%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr. đồng	14.786	25.012	69.16%
Doanh thu hoạt động tài chính	Tr. đồng	2.811	3.241	15.30%
Chi phí tài chính	Tr. đồng	5.994	5.509	-8.09%
<i>Chi phí lãi vay</i>	Tr. đồng	5.994	5.505	-8.16%
Chi phí bán hàng	Tr. đồng	2.588	1.353	-47.72%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. đồng	22.199	22.880	3,07%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	(13.185)	(1.488)	-88.71%
Thu nhập khác	Tr. đồng	291	1.680	477,32%
Chi phí khác	Tr. đồng	80	103	28.75%
Lợi nhuận khác	Tr. đồng	212	1.577	643.87%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr. Đồng	(12.973)	88,80	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	(12.973)	88,80	-

Tổng kết năm 2017, doanh thu thuần của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tăng 7,98% so với năm 2016, đạt được 96,86 tỷ đồng. Bên cạnh đó, lợi nhuận gộp tăng đến 69,16% do giá vốn hàng bán giảm mạnh, và kết quả lợi nhuận năm đã ghi nhận được mức dương là 88,8 triệu đồng, đạt mục tiêu hòa vốn của Công ty trong năm tài chính 2017. Đây chính là động lực để CCT tiếp tục nỗ lực hoạt động trong năm 2018 sắp tới.

Ngoài ra, hoạt động chính của CCT trong năm 2017 không có sự thay đổi nhiều so với 2016, mảng cung cấp dịch vụ vẫn là mảng chính, chủ yếu đến từ việc kinh doanh xăng dầu, đem lại 86,19 tỷ đồng doanh thu so với mảng bán hàng hóa là 10,67 tỷ đồng.

Công ty trong năm cũng đã kiểm soát được mức chi phí hoạt động của mình, do đó, phần lớn các chi phí đều giảm. Cụ thể, giá vốn hàng bán năm 2017 là 71,8 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp là 22,88 tỷ đồng, chi phí tài chính là 5,5 tỷ đồng và chi phí bán hàng là 1,4 tỷ đồng.



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	8.259.200	29%
2	Nguyễn Văn Dục	Phó Tổng Giám đốc	5.000	0,02%
3	Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc	2.300	0,01%
4	Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc	3.200	0,01%
5	Lâm Trúc Sơn	Kế toán trưởng	2.600	0,01%

Những thay đổi trong Ban điều hành

- ↓ Miễn nhiệm ông Phan Thành Tiến – Tổng Giám đốc từ 14/04/2017.
- ↓ Miễn nhiệm ông Phan Công Đức và ông Nguyễn Văn Bá – Phó Tổng Giám đốc từ 25/04/2017.
- ↓ Bỏ nhiệm ông Lê Tiến Công và ông Tạ Khả Duy – Phó Tổng Giám đốc từ 11/12/2017.



SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Nguyễn Văn Phương – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
Năm sinh	11/02/1966
Nơi sinh	TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển, Trung cấp Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	8.259.200
Ông Nguyễn Văn Dục – Phó Tổng Giám đốc	
Năm sinh	27/12/1957
Nơi sinh	Vĩnh Phúc
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	5.000
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
Ông Lê Tiến Công – Phó Tổng Giám đốc	
Năm sinh	10/12/1971
Nơi sinh	Hậu Giang
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	2.300
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
Ông Tạ Khả Duy – Phó Tổng Giám đốc	
Năm sinh	22/05/1963
Nơi sinh	Hưng Yên
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	3.200
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
Ông Lâm Trúc Sơn – Kế toán trưởng	
Năm sinh	03/03/1967
Nơi sinh	Sóc Trăng
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	2.600
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN 31/12/2017

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	Trình độ trên Đại học	8	4,94
2	Trình độ Đại học	70	43,21
3	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp	10	6,17
4	Công nhân kỹ thuật	49	30,25
5	Trình độ khác	25	15,43
Tổng cộng		162	100%

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách đào tạo

Con người là nhân tố quyết định cho sự thành công của doanh nghiệp, do đó Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn cho người lao động trong công tác vận hành máy móc hiện đại và năng lực quản lý Cảng cho các cán bộ điều hành.

Chính sách lương - thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động

Công ty xây dựng chính sách tiền lương riêng thông qua Quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo Quy định của nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của công ty. Cuối mỗi năm, công ty đều tiến hành tổng kết đánh giá để thưởng cho những bộ phận, phòng ban, cá nhân có thành tích xuất sắc, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, làm tốt công tác thực hành tiết kiệm trong sản xuất.

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được công ty trích nộp theo đúng quy định pháp luật. Hằng năm, Công ty còn tổ chức khám sức khỏe cho toàn thể nhân viên cũng như thường xuyên chăm lo cho đời sống người lao động và hỗ trợ kịp thời đối với những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn hoặc gặp tai nạn lao động trong quá trình làm việc.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	8.481.678	6.107.922	7.007.000



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đầu tư năm 2017 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng

- ⊗ 01 Xe chụp Container hàng;
- ⊗ 03 xe đào và 01 xe xúc lật 5 tấn phục vụ gom vét than;
- ⊗ Hệ thống đóng bao hàng rời;
- ⊗ 01 Sơ mi rơ-mooc chuyên dụng;
- ⊗ Đầu tư kho hàng tổng hợp với diện tích 3.024 m2.

Dự án đầu tư năm 2017 chuyển tiếp sang năm 2018

STT	Dự án	Tổng đầu tư (chưa VAT)	Mục tiêu đầu tư	Thời gian thực hiện
1	Mua 01 xe nâng 10 tấn (loại đã qua sử dụng)	1.700.000.000	Nâng cao năng lực xếp dỡ;	Quý III
2	Mua 01 xe chụp container (loại đã qua sử dụng)	3.000.000.000	Phục vụ nhu cầu phát triển mặt hàng container;	Quý II-III
3	Mua 01 xe đầu kéo (mới 100%).	2.000.000.000	Nâng cao năng lực vận chuyển hàng hóa;	Quý II-III

Các Công ty con, Công ty liên kết: Không



Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	392.202	378.769	-3,43%
Doanh thu thuần	Tr. đồng	89.691	96.855	7,99%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	(13.185)	(1.488)	-
Lợi nhuận khác	Tr. đồng	212	1.577	643,87%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	(12.973)	88,8	-
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	(12.973)	88,8	-

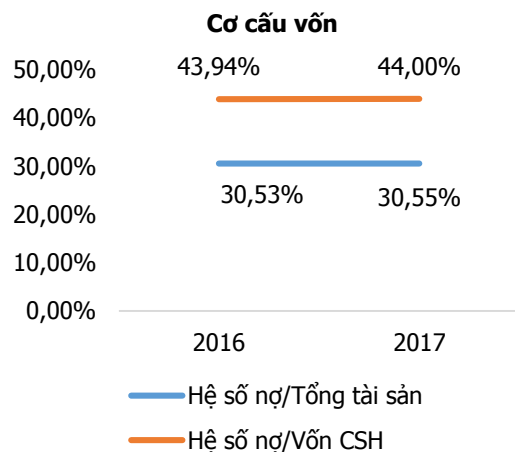
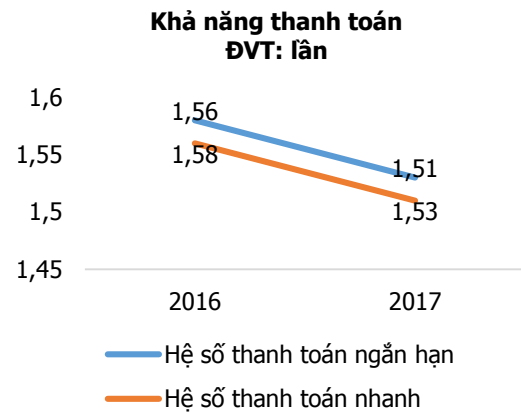
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,58	1,53
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,56	1,51
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	30,53	30,55
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	43,94	44,00
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	127,72	101,17
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,22	0,25
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-	0,09
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	-	0,03
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	-	0,02
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-	-



Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán của CCT trong năm đã giảm xuống so với năm 2016. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,58 lần xuống còn 1,53 lần và hệ số thanh toán nhanh từ 1,56 lần giảm còn 1,51 lần. Nguyên nhân chủ yếu là do Tài sản ngắn hạn tăng khoảng 2 tỷ đồng trong khi nợ ngắn hạn chỉ biến động giảm hơn 100 triệu đồng.

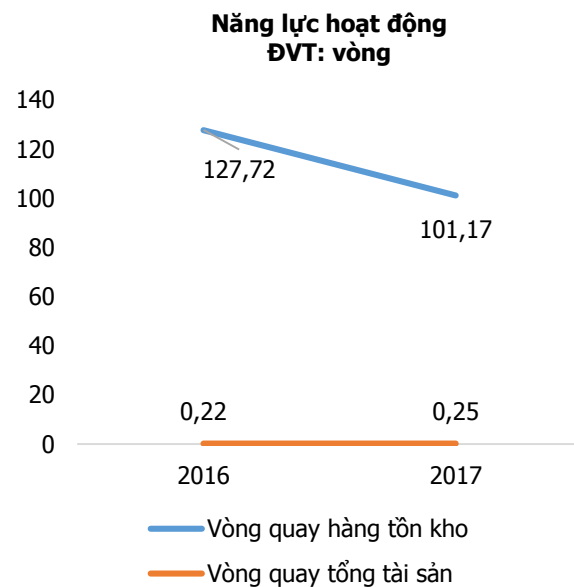


Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hai chỉ tiêu cơ cấu vốn năm 2017 có tăng nhẹ so với năm 2016 do tỷ trọng nợ trong cơ cấu vốn của Công ty có giảm, Công ty thực hiện trả nợ gốc và không vay thêm nợ để đầu tư, mua sắm tài sản. Hơn nữa, tài sản của Công ty chủ yếu được tài trợ từ nguồn vốn chủ sở hữu nên rủi ro về lãi vay và khả năng thanh toán của CCT trong quá trình hoạt động khá thấp. Điều này được thể hiện qua hệ số Nợ/Tổng tài sản là 30,55% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 44,00%.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu đánh giá năng lực hoạt động của CCT không mang quá nhiều ý nghĩa do ngành dịch vụ cạnh tranh có đặc trưng về tài sản lớn hơn rất nhiều so với doanh thu. Bên cạnh đó, trong năm 2017, doanh thu và tài sản của CCT không biến động quá nhiều nên hệ số vòng quay tài sản chỉ tăng nhẹ so với năm trước, từ 0,22 vòng lên 0,25 vòng. Ngoài ra, hàng tồn kho của CCT cũng khá thấp, chủ yếu gồm thiết bị, phụ tùng phục vụ cho việc sửa chữa, bảo trì và vệ sinh phương tiện vận tải, bến bãi, tổng cộng khoảng 790 triệu đồng năm 2017, tăng khoảng 25,4% so với năm trước. Do đó, vòng quay Hàng tồn kho giảm còn 101,17 vòng so với mức 127,72 vòng của năm 2016.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2017 của CCT đã tăng mạnh so với năm trước do Công ty đã ổn định được hoạt động và kinh doanh có lãi so với mức lợi nhuận âm năm 2016. Mặc dù các hệ số còn khá nhỏ, tuy nhiên đây vẫn là mức tăng vượt bậc, thể hiện việc tái cơ cấu và hoạt động sản xuất kinh doanh dần có hiệu quả. Đây chính là động lực để CCT phát triển hơn trong năm 2018.



CỔ PHẦN

- ⊙ Vốn điều lệ: 284.800.000.000 đồng
- ⊙ Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 24.480.000 cổ phiếu
- ⊙ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - ↕ Cổ phiếu thường: 24.480.000 cổ phiếu
 - ↕ Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- ⊙ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 24.480.000 cổ phiếu
- ⊙ Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2017**

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	102	28.467.000	99,95
	- Tổ Chức	2	28.210.500	99,05
	- Cá nhân	100	256.500	0,90
2	Cổ đông nước ngoài	8	13.000	0,05
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	8	13.000	0,05
	Tổng cộng	110	28.480.000	100

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL (%)
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	0100104595	Số 01 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	28.208.500	99,05

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác: Không



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách đãi ngộ nhân sự:

Ý thức được con người là nhân tố nền tảng cho sự phát triển bền vững của công ty, Cảng Cần Thơ có các chính sách thu hút nhân tài để ngày càng có nhiều nhân viên giỏi, công nhân lành nghề làm việc cho Công ty. Đối với đội ngũ nhân viên lâu năm, Công ty thường xuyên tổ chức bầu chọn những công nhân có đủ trình độ, năng lực vào các chức vụ lãnh đạo Công ty. Bố trí các cán bộ quản lý phân xưởng vừa giỏi chuyên môn vừa có trình độ quản lý trên cơ sở qui định rõ trách nhiệm và quyền hạn một cách cụ thể.

Chính sách lương thưởng:

Áp dụng chính sách lương theo kết quả sản xuất kinh doanh nhằm động viên, khuyến khích người lao động, trên cơ sở đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của các đơn vị cơ sở. Tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên năng động và sáng tạo, phát huy tính tích cực trong kinh doanh, thực hiện hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty. Có chính sách trả lương xứng đáng với cống hiến để thu hút nhân tài ở những vị trí tác nghiệp và quản lý then chốt cần thiết.

Chính sách đào tạo:

Khi mới được tuyển dụng làm việc tại Cảng Cần Thơ, người lao động đều được đào tạo những vấn đề cơ bản về quy trình làm việc của bộ phận ứng tuyển và hoạt động chung của toàn công ty. Công nhân có đủ năng lực sẽ được công ty tạo điều kiện cập nhật thêm kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh của công ty. Công tác đào tạo nguồn lực và bồi dưỡng trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý được tăng cường, nâng cao tinh thần trách nhiệm thông qua chính sách trả lương và khen thưởng hợp lý.

Chính sách phúc lợi:

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm theo đúng quy định của Nhà nước đối với người lao động đã ký hợp đồng từ 01 năm trở lên. Đối với các trường hợp cán bộ công nhân viên có thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản hoặc trong thời gian điều trị do tai nạn lao động thì ngoài các chế độ do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả, Cán bộ công nhân viên còn được Công ty hỗ trợ một phần nhằm chia sẻ và giảm bớt gánh nặng tài chính. Vào những dịp đặc biệt như lễ Tết, Công ty còn tổ chức tặng quà cho cán bộ công nhân viên tại Cảng Hoàng Diệu.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Hoạt động kinh doanh tại cảng bao gồm bốc xếp, vận tải, lưu và cho thuê kho bãi, cung ứng xăng dầu,... nên nguồn nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu là xăng, dầu, nhớt dùng cho vận hành máy móc thiết bị và các hóa chất, công cụ dùng để vệ sinh nhà kho, bến bãi.

Công ty luôn chú trọng công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu nhằm sử dụng hiệu quả chi phí hoạt động. Đối với các hóa chất và nhiên liệu hóa thạch sau quá trình sử dụng, công ty có quy trình xử lý thích hợp tránh gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG NĂM

Điện năng được Công ty sử dụng cho việc chiếu sáng tại các kho, điện văn phòng, hệ thống làm mát. Các nguồn nguyên liệu hóa thạch như xăng, dầu, nhớt được dùng để vận hành các máy móc, thiết bị chuyên dùng. Quá trình sử dụng các năng lượng này là nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu. Do đó, Công ty đã có những chính sách hợp lý như: đưa ra định mức sử dụng, chi phí sử dụng phù hợp, tìm kiếm các loại năng lượng sạch, thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu việc sử dụng các loại năng lượng này.

TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty sử dụng nước để phục vụ cho việc vệ sinh kho bãi, sinh hoạt tại văn phòng, do đó chi phí phát sinh từ việc sử dụng tài nguyên này là không đáng kể.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công tác bảo vệ môi trường được Cảng Cần Thơ thực hiện rất nghiêm chỉnh. Trong năm 2017, Công ty không có trường hợp nào vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Ngoài mục tiêu chủ yếu là lợi nhuận của Công ty, Cảng Cần Thơ thường xuyên duy trì các hoạt động vì cộng đồng nhằm chia sẻ một phần lợi nhuận của Công ty cho sự phát triển của xã hội bằng các hoạt động thiết thực như: quyên góp quỹ cho đồng bào lũ lụt miền Trung, thăm hỏi và trao quà cho các gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn trong địa bàn hoạt động của Công ty,...

KẾ HOẠCH THAY THẾ, NÂNG CẤP, BỔ SUNG THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

Tên thiết bị	Mô tả tính năng vị trí sử dụng của thiết bị	Cách thức lắp đặt	Lý do lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế	Mức cam kết và khả năng thực hiện
Đầu tư kho hàng tổng hợp từ kho CFS.	Đảm nhận trách nhiệm lưu trữ và tích lũy hàng hoá, nguyên vật liệu.	-	Đảm bảo tính liên tục của quá trình phân phối hàng hóa và tiết kiệm chi phí lưu thông.	Đang thực hiện và giám sát thi công xây dựng kho.
Xe xúc lật ≥ 5 tấn	- Cabi kín. - Bốc xếp dỡ hàng hóa lên thiết bị vận chuyển khác hay kho chứa.	Di chuyển tự do trên bãi.	- Cải thiện môi trường làm việc. - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường. - Tăng năng suất. - Cải tiến công nghệ.	Đã hoàn thành.
Xe chụm container 40-50 tấn	- Chuyên xếp dỡ container trên bãi. - Chiều cao nâng 15m.	Di chuyển bằng bánh lốp tự do trên bãi.	Tăng tính hiệu quả sử dụng diện tích bãi.	Đã hoàn thành.
Somi romooc chuyên dụng tải trọng 45 tấn	Chuyên vận chuyển container hoặc hàng hóa với số lượng lớn trên bãi.	Di chuyển bằng bánh lốp tự do trên bãi.	- Nâng cao năng suất làm việc. - Tăng tính hiệu quả sử dụng diện tích bãi.	Đang triển khai thực hiện.
02 cần cầu Kone	Sử dụng năng lượng điện (tất cả các thiết bị bốc xếp của cảng trước đây đều sử dụng năng lượng diesel).	Lắp đặt trên mặt cầu cảng theo 2 tuyến ray cố định.	- Cải thiện môi trường làm việc. - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường. - Tăng năng suất. - Cải tiến công nghệ.	Đã hoàn thành.
Đầu tư xây dựng 05 kiot.	Cho thuê làm văn phòng đại diện.	-	Tạo nguồn thu nhập.	Đã hoàn thành.
Phần mềm quản trị online office	Phát triển các tính năng, tiện ích làm việc theo nhóm trong doanh nghiệp.	-	Giúp các cấp quản lý nắm toàn bộ diễn tiến của các dự án và công việc nhanh chóng.	Đã hoàn thành.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại, Công ty không có các dự án phát triển thị trường vốn xanh, tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động Cảng Cần Thơ sẽ chú trọng đến công tác sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế tối đa việc gây ô nhiễm cho môi trường trong quá trình hoạt động. Đồng thời, Cảng Cần Thơ sẽ tham gia tích cực các hoạt động tuyên truyền, khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, tài trợ các dự án nghiên cứu phát triển năng lượng xanh theo chính sách chung của đất nước.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

03

- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến trong năm
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo trách nhiệm với môi trường và xã hội



Qua một năm nỗ lực phấn đấu của Ban lãnh đạo Công ty cùng với sự đóng góp của tập thể CBCVN, người lao động đã giúp CCT vượt qua những khó khăn, thách thức: vừa tập trung bảo đảm ổn định sản xuất kinh doanh, vừa tiến hành điều chỉnh và khắc phục dần những hạn chế tồn tại cho phù hợp với mô hình quản trị mới mà mục tiêu tái cơ cấu đề ra. Tuy thành quả đạt được còn khá khiêm tốn, chỉ mới đạt ở mức cân bằng được hiệu quả kinh doanh năm 2017. Nhưng điều quan trọng hơn là Công ty đã xác định được hướng đi đúng và những giải pháp cần phải tiếp tục thay đổi, điều chỉnh, vận hành ngày càng nâng cao hơn để thích nghi với môi trường kinh doanh và phù hợp với điều kiện thực tế của cảng. Từ đó, tạo nền tảng vững chắc cho việc chuẩn bị các nguồn lực để thực hiện và hoàn thành các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 và những năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ qua nhiều năm hình thành và phát triển đã tạo dựng được tên tuổi trong ngành khai thác cảng, các khách hàng truyền thống của Công ty bao gồm nhiều loại hình doanh nghiệp đa dạng trong nước và nước ngoài, là đơn vị duy nhất có khả năng bốc dỡ các thiết bị siêu trường, siêu trọng tại Đồng bằng sông Cửu Long, đơn cử như: dự án cầu Cần Thơ, dự án nhà máy điện gió Bạc Liêu, dự án nhà máy khí điện đạm Cà Mau, dự án nhà máy Nhiệt điện Ô Môn,...

Năm 2017, Công ty đã gặp những khó khăn về biến động giá trên thị trường, thay đổi chính sách hải quan của Nhà nước, tình hình thời tiết, quá trình tái cơ cấu... và đặc biệt hoạt động sau tình hình kinh doanh ảm đạm năm 2016. Tuy nhiên, Công ty đã hoàn thành mục tiêu năm 2017 không lỗ, đồng thời, các chỉ tiêu kinh doanh tăng trưởng khá khả quan, cụ thể:

Khoản mục	ĐVT	KH 2017	TH 2017	So với kế hoạch
Sản lượng hàng thông qua	Tấn	2.042.500	1.923.644	94,18%
<i>Container</i>	TEUs	15.000	12.703	84,68%
<i>Kinh doanh xăng, dầu</i>	Lít	840.000	779.598	92,81%
Doanh thu	Tr. Đồng	91.681	96.855	105,64%
Chi phí	Tr. Đồng	91.681	101.679	110,90%
Lợi nhuận	Tr. Đồng	-	88,80	-



ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN KẾT QUẢ SXKD NĂM 2017**Công tác khai thác cảng**

- ↓ Mức độ cạnh tranh ngày càng lớn của các cảng lân cận trong khu vực, giá dịch vụ cạnh tranh thiếu bình đẳng.
- ↓ Luồng hàng hải vào cảng qua cửa Định An và Kênh Quan Chánh Bó vẫn chưa thật sự thông thoáng cho các tàu trọng tải lớn vào cảng.
- ↓ Các khu công nghiệp lân cận chưa thu hút được nhà đầu tư dẫn đến chân hàng của cảng chưa phát triển.
- ↓ Hệ thống trang thiết bị còn lạc hậu, thiếu đồng bộ và mức tiêu thụ nhiên liệu, sửa chữa cao.

Một số mặt hàng giảm sản lượng

- ⊙ Giảm mạnh nhất là mặt hàng Gạo nội địa và tiểu ngạch. Năm 2016 đạt 660.333 tấn chiếm 28,75% tổng sản lượng hàng thông qua. Năm 2017 chỉ thực hiện 275.287 tấn chiếm 14,31% tổng sản lượng thông qua cảng, giảm 385.046 tấn tương ứng mức sụt giảm 58,31% so với 2016. Nguyên nhân do ảnh hưởng sức mua qua đường tiểu ngạch của thị trường chính là Trung Quốc giảm trong năm 2017. Tuy nhiên sản lượng Gạo xuất chính ngạch xuất sang thị trường này vẫn đang xuất theo hình thức đóng container tại cảng Mỹ Thới, Tân Cảng Thốt Nốt, Tân Cảng Trà Nóc và một số đóng trực tiếp trên sà lan tại bến thủy nội địa của các kho gạo sau đó chuyển lên các cảng khu vực Tp.Hồ Chí Minh, Vũng Tàu với sản lượng khá lớn trong tổng sản container nhập - xuất qua 2 cảng Mỹ Thới và cảng Trà Nóc 2017 là 43.301 TEUs
- ⊙ Mặt hàng Gỗ tròn lóng nhập khẩu năm 2016 đạt 96.175 tấn, năm 2017 thực hiện 63.331 tấn giảm 32.844 tấn tương ứng 34,15% so với 2016. Nguyên nhân do các doanh nghiệp nhập khẩu thay đổi thị trường mua từ khu vực Đông Nam Á sang các nước xa hơn như: Úc, Solomon, Myanmar bắt buộc phải thay đổi phương tiện vận chuyển từ Lash biển sang tàu biển có trọng tải trên 5.000 DWT trong khi luồng Định An và kênh Quan Chánh Bó chưa thuận lợi cho tàu trọng tải lớn vào.
- ⊙ Cọc bê tông giảm 55.344 tấn, Xi măng xá giảm 7.925 tấn, Gỗ trầm cây giảm 13.238 tấn , Gỗ dăm giảm 24.655 tấn, nhóm hàng Sắt thép xây dựng giảm 5.601 tấn, Bột cá giảm 17.304 tấn, Mỡ cá giảm 10.728 tấn Đường cát giảm 8.939 tấn,... do các nguyên nhân như: Một số dự án có nhu cầu về nguồn vật tư xây dựng đi qua cảng đã cơ bản hoàn thành (Nhà máy Lee & Man, Nhà máy Tân Hiệp Phát Hậu Giang, Nhiệt điện Sông Hậu,...); Ngừng hoạt động như gỗ dăm của Công ty gỗ Thúy Sơn, Cầu Vàm Cống; Doanh nghiệp giảm quy mô thị trường như: Cty Runlong xuất khẩu mỡ cá; Công ty xuất khẩu bột cá; Hoặc một số doanh nghiệp thay đổi địa bàn thuê kho như mặt hàng Đường cát của Cty Pepsi Cần Thơ và thay đổi phương thức vận chuyển từ tàu biển, Sà lan sang vận chuyển đường bộ do các đơn hàng nhỏ lẻ hoặc thay đổi nhà cung ứng nguyên liệu sản xuất như nguồn thép phôi của Cty Thép Tây Đô, Cty Linford cung ứng tôn cuộn cho thị trường ĐB SCL,...



Các mặt hàng giảm do chia sẻ thị phần

- ⊙ Mặt hàng container trên địa bàn Cần Thơ đi qua các Cảng Trà Nóc, Cảng Cái Cui, Cảng Hoàng Diệu và Tân Cảng Cái Cui qua số liệu thống kê năm 2016 và 2017 (dẫn nguồn thống kê báo cáo của VPA 2017) gần như cân bằng : Năm 2016 đạt 32.593TEUs năm 2017 đạt 32.708TEUs. Mức tăng trưởng của thị trường hàng container qua khu vực Cần Thơ dự báo chỉ đạt khoảng 10 – 15%/ năm tuy nhiên lượng hàng container qua cảng bằng sà lan đang gặp sự cạnh tranh rất mạnh của phương thức vận tải đường bộ (kết hợp hàng hai chiều) do có ưu thế về thời gian vận chuyển ngắn, chi phí xếp dỡ thấp và tác nghiệp xếp dỡ chỉ trong hai phương án Xe => Bãi và Bãi => Xe, trong khi vận chuyển bằng sà lan ít nhất tác nghiệp xếp dỡ phải qua từ 4 đến 6 tác nghiệp cho 1 container . Song song với yếu tố cạnh tranh từ phương thức vận tải thì việc hình thành Tân Cảng Cái Cui tạo ra yếu tố chia sẻ thị phần của Cảng Cần Thơ đối với mặt hàng này. Vì vậy chỉ tiêu sản lượng về hàng container 2017 không đạt mức kế hoạch.
- ⊙ Riêng các năm sản lượng container tăng đột biến là do có dự án hoặc nhà máy lớn xây dựng trong khu vực như Nhà máy Lee & Man trong 3 năm lắp đặt thiết bị nhà máy sản lượng thông qua chỉ riêng Cảng Cần Thơ đạt lần lượt 19.308TEUs/ 2014 – 25.469TEUs/2015 – 19.366 TEUs/2016 mà trong đó phần lớn là container của Lee & Man. Sau khi nhà máy hoàn thành thì sản lượng Container qua các cảng trở về mức ổn định của thị trường với một số mặt hàng truyền thống như Gạch Men, Than đá, Gạo, mỡ cá, Phân bón và một số mặt hàng nguyên liệu khác.
- ⊙ Mặt hàng Clinker của Nhà máy xi măng Hậu Giang qua Cảng Cái Cui từ tháng 9/ 2017 mỗi tháng giảm khoảng 25.000 đến 30.000 tấn, do đặc điểm về vị trí địa lý, cung đường vận tải ngắn chủ hàng đã chuyển toàn bộ dịch vụ xếp dỡ Clinker từ Cảng Cái Cui về Cảng Vinalines Hậu Giang.

Một số mặt hàng tăng và mở ra các cơ hội thuận lợi

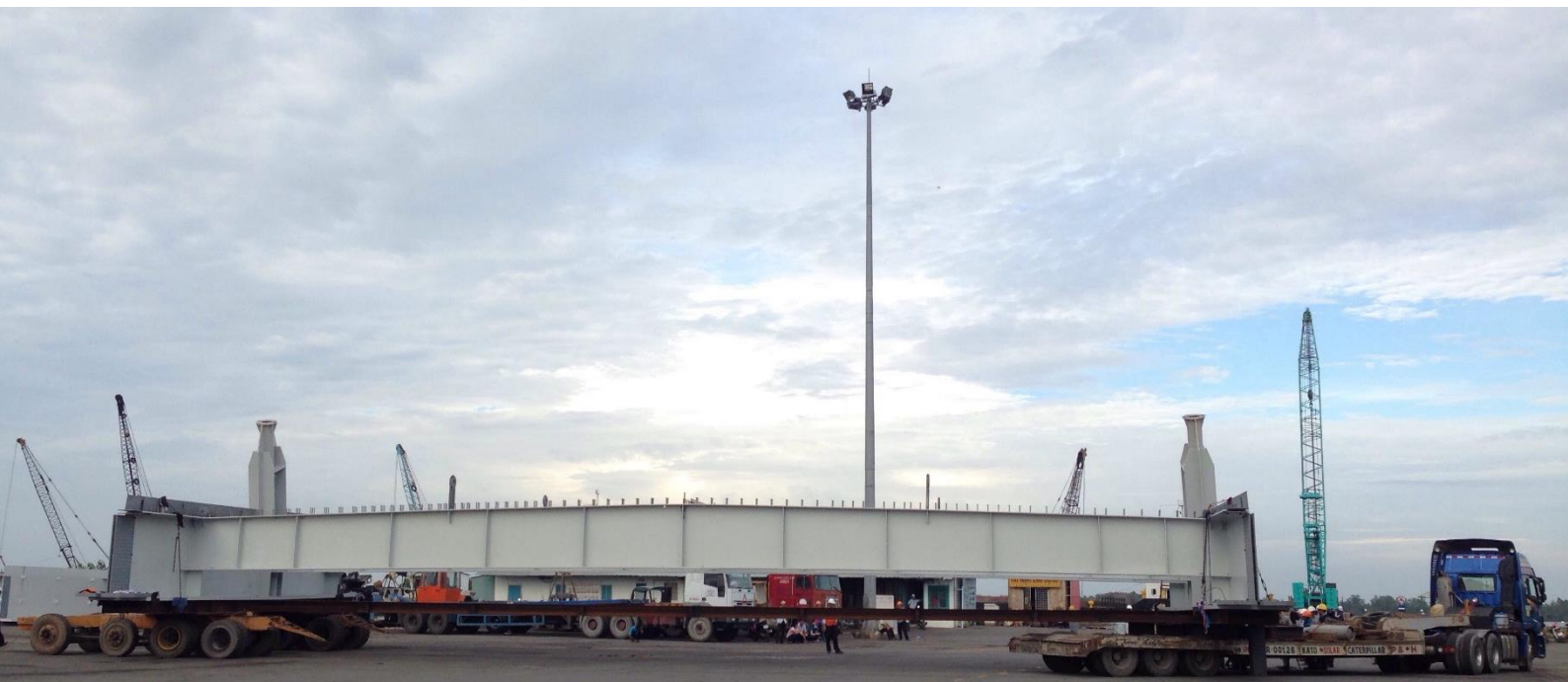
- Mặt hàng phân bón của các doanh nghiệp TRACO, SOTRANS, BACONCO và các doanh nghiệp tiềm năng khác bao gồm cả hàng đóng bao và hàng rời đang có chiều hướng gia tăng sản lượng, chuyển địa bàn lưu trữ và phân phối tại khu vực Tp.Hồ Chí Minh, Long An về khu vực Cần Thơ cụ thể: Năm 2016 đạt 17.660 tấn năm 2017 đạt 117.840 tấn tăng 100.180 tấn.
- Mặt hàng thép phế liệu của Công thép Tây Đô dự báo sẽ tăng trưởng tốt sau khi thuê thêm 5.000m² bãi chứa hàng tại Cảng Hoàng Diệu. Mức tăng trưởng mặt hàng này đạt đến 103,75% trong năm 2017: Sản lượng 2016 đạt 42.784 tấn năm 2017 đạt 87.172 tấn.
- Gôm vệt Than đá tại các nhà máy điện trong khu vực là thị trường có tiềm năng lớn trong năm 2018 và các năm sau.



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng	52.498	61.281	16,73%
Tiền và các khoản tương đương tiền	Tr. Đồng	26.235	23.413	-10,76%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tr. Đồng	24.786	35.674	43,93%
Hàng tồn kho	Tr. Đồng	630	790	25,40%
Tài sản ngắn hạn khác	Tr. Đồng	847	1.404	65,76%
Tài sản dài hạn	Tr. đồng	328.918	317.489	-3,47%
Các khoản phải thu dài hạn	Tr. Đồng	135	120	-11,11%
Tài sản cố định	Tr. Đồng	251.569	239.566	-4,77%
Tài sản dở dang dài hạn	Tr. Đồng	70.074	70.956	1,26%
Đầu tư tài chính dài hạn	Tr. Đồng	4.497	4.497	-
Tài sản dài hạn khác	Tr. Đồng	2.642	2.348	-11,13%
Tổng tài sản	Tr. đồng	381.416	378.770	-0,69%

Cơ cấu tài sản của CCT năm 2017 bao gồm tài sản ngắn hạn 16,18% và tài sản dài hạn 83,82%. Tổng tài sản trong năm giảm 0,69% còn lại 379 tỷ đồng, trong đó, tài sản dài hạn giảm nhẹ 3,47% còn 317 tỷ đồng do công ty trích khấu hao. Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn tăng từ 52 tỷ đồng lên 61,2 tỷ đồng đến từ việc phải thu ngắn hạn khách hàng tăng khoảng 8,78 tỷ đồng, tương đương 43,93% so với năm 2016 do số lượng khách hàng trong năm tăng trở lại và tác động tích cực đến nguồn thu.



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	% tăng/ giảm
Nợ ngắn hạn	Tr. đồng	13.273	39.952	201,00%
Phải trả người bán ngắn hạn	Tr. đồng	1.344	1.454	8,18%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Tr. đồng	45	25	-44,44%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tr. đồng	811	862	6,29%
Phải trả người lao động	Tr. đồng	1.064	1.347	26,60%
Chi phí phải trả ngắn hạn	Tr. đồng	388	118	-69,59%
Phải trả ngắn hạn khác	Tr. đồng	6.515	31.750	387,34%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Tr. đồng	2.721	4.096	50,53%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr. đồng	386	301	-22,02%
Nợ dài hạn	Tr. đồng	106.455	75.774	-28,82%
Phải trả dài hạn khác	Tr. đồng	48.092	22.633	-52,94%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Tr. đồng	58.362	53.142	-8,94%
Tổng nợ phải trả	Tr. đồng	119.729	115.726	-3,34%
Vốn chủ sở hữu	Tr. đồng	261.687	263.043	0,52%

Tổng nợ năm 2017 có giảm nhẹ 3,34% do Công ty đã tới hạn trả một số khoản nợ dài hạn. Công ty đã kết chuyển khoảng 30 tỷ đồng nợ dài hạn gồm khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam và khoản nợ dự án nâng cấp 2 tuyến đường thủy nội địa và Cảng Cần Thơ của Ngân hàng Thế Giới vào nợ ngắn hạn để tất toán khoản vay đến hạn này. Từ đó, tổng nợ phải trả trong năm không biến động nhiều, đạt khoảng 116 tỷ đồng. Bên cạnh đó, VCSH tăng 0,52%, đạt 263 tỷ đồng.





- Tổng hợp kết quả SXKD, lập báo cáo kế toán thống kê được rút ngắn về mặt thời gian (ngày 15 hàng tháng có kết quả SXKD của tháng trước), từng bước chuyên sâu công tác phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh (tính hợp lý giữa Doanh thu – Chi phí – Lợi nhuận) góp phần vào quá trình kiểm soát thực hiện kế hoạch của Công ty.
- Công tác bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động được chú trọng: công ty tổ chức tập huấn vận hành máy móc, thiết bị cho người lao động; đào tạo nghiệp vụ khai thác cảng và giao nhận hàng hóa, tập huấn an toàn lao động, tập huấn chuyên môn...
- Với phương châm nâng cao hiệu quả khai thác thiết bị, tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có của đơn vị, bộ phận kỹ thuật đã rà soát đánh giá lại ưu điểm và phân loại thiết bị để đáp ứng cho từng loại hàng, đồng thời đánh giá, phân tích tiềm năng cơ cấu mặt hàng của từng chi nhánh, để từ đó có chiến lược luân chuyển thiết bị giữa các chi nhánh và phân bổ thiết bị hợp lý, việc làm này đã làm giảm chi phí thuê thiết bị ngoài trong năm so với năm trước là khoảng 2,4 tỷ đồng.
- Nhận thấy sự lạc hậu về thiết bị bốc xếp là một trong những khó khăn của đơn vị trong việc tiếp thị, thu hút khách hàng. Chính vì vậy với chiến lược xây dựng Cảng Cần Thơ trở thành cảng trọng tâm của khu vực, chuyên nghiệp, hiện đại, trong năm đã tham gia đấu thầu mua các tài sản chủ yếu phục vụ hoạt động vận chuyển, lưu kho.
- Để góp phần tiếp thị quảng bá thương hiệu Cảng Cần Thơ và chỉnh trang lại mặt tiền Cảng, trong năm đã thực hiện cải tạo Cửa hàng xăng dầu kết hợp với siêu thị Mini thay cho các Kiot nhỏ lẻ, đã cũ không đảm bảo mỹ quan.



Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	Tăng trưởng	
				Giá trị	%
Sản lượng	TTQ	2.120.000	1.923.664	196.336	10,2%
Doanh thu	Đồng	110.445.000.000	101.766.847.679	8.678.152.321	8,5%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	502.000.000	88.798.726	413.201.274	565,3%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	502.000.000	88.798.726	413.201.274	565,3%

CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

- ⊗ Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ, tạo mối liên hệ bền vững với các chủ đầu tư và đối tác sử dụng dịch vụ
- ⊗ Đầu tư kho, bãi, đường giao thông quan trọng
- ⊗ Đẩy mạnh xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự làm công tác marketing, nghiên cứu, phân tích thị trường nhằm nắm bắt nhu cầu, ý kiến của khách hàng.
- ⊗ Sắp xếp lại bộ máy Quản lý điều hành, cơ cấu lại tổ chức bộ máy công ty và các Chi nhánh. Giao quyền chủ động cho các chi nhánh trong việc ký kết các hợp đồng kinh tế theo phân cấp; tự chủ trong hoạch toán sản xuất kinh doanh theo chỉ tiêu giao của Công ty.
- ⊗ Tăng cường công tác kiểm tra và giám sát các công trình, dự án đầu tư, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật.
- ⊗ Chú trọng công tác quản lý sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện, hạ tầng nhằm tăng hiệu quả trong công tác sử dụng nguồn lực.
- ⊗ Phối hợp với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đơn vị cung cấp phần mềm tiếp nhận, tổ chức đào tạo, tập huấn sử dụng các phần mềm công nghệ thông tin tiên tiến nêu trên trong quản lý, khai thác cảng biển. Đồng thời kiện toàn hoạt động của lực lượng cán bộ IT trực thuộc Công ty để đảm bảo việc triển khai áp dụng phần mềm đồng bộ, nhanh chóng và hiệu quả.
- ⊗ Làm tốt công tác đánh giá hiệu quả lao động của cán bộ, công nhân viên; gắn việc trả công với năng suất, chất lượng lao động; thường xuyên rà soát nhu cầu, đánh giá trình độ lao động tại các đơn vị để có biện pháp điều chỉnh phù hợp.



Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ luôn quan tâm tới vấn đề bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe của người lao động. Về công tác chăm sóc sức khỏe người lao động:

- Năm 2017 thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của Công ty tổng cộng 155 người; qua khám sức khỏe định kỳ không phát hiện bệnh nghề nghiệp liên quan đến hoạt động SXKD; (loại 1: 122 người, loại 2: 33 người).
- Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật thực hiện cho 61 công nhân lao động trực tiếp theo đúng tiêu chuẩn về công việc, số tiền hơn 40 triệu đồng;
- Công đoàn đã phối hợp với Công ty tổ chức cho 17 người lao động có chuyến đi thực tế, phục hồi sức khỏe tại Nha Trang từ ngày 06/7/2017 – 09/7/2017.
- Hơn thế nữa, Cảng Cần Thơ hằng năm có các hoạt động thiết thực nhằm góp phần chia sẻ với cộng đồng như: tổ chức đêm hội trăng rằm, tặng quà cho các trẻ em bị khuyết tật, các hoạt động về nguồn cũng được Công ty tổ chức nhằm nhớ ơn các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh ...





Về công tác quản lý môi trường

- Trong năm 2017, vào những tháng mưa, lượng nước khá lớn, để đảm bảo các hệ thống thoát nước, cống rãnh, kho bãi không bị ngập, ứ đọng gây ô nhiễm môi trường, đơn vị đã thực hiện công tác quản lý vệ sinh môi trường được triển khai như: thường xuyên kiểm tra và thực hiện việc nạo vét hố ga, khơi thông đường cống rãnh, hệ thống thoát nước bên trong và khu vực xung quanh Cảng, các công trình phụ của nhà văn phòng làm việc. Ngoài ra còn thuê lao động công nhật thường xuyên quét, dọn vệ sinh đảm bảo giữ vệ sinh cho cầu cảng, đường nội bộ và quy định các bộ phận tự giữ gìn vệ sinh cho phòng, ban của mình. Hướng dẫn cán bộ chuyên trách ATLĐ, mạng lưới ATVSV, trưởng kho đảm bảo vệ sinh kho, bãi, hiện trường sản xuất.
- Giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu gây hại cho môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật về môi trường, về an toàn – phòng tránh cháy nổ nhằm đảm bảo hạn chế những thiệt hại về người và tài sản trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra việc giữ gìn môi trường làm việc trong phạm vi Cảng; sắp xếp phòng làm việc gọn gàng, sạch sẽ, khoa học, thông thoáng, văn minh, hiện đại; phát quang cây cối làm cỏ sạch sẽ, trồng thêm cây xanh cải thiện mỹ quan môi trường làm việc và hoạt động khác nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CNVCLĐ trong đơn vị.

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

- Về các mặt hoạt động của Công ty
- Về hoạt động của Ban TGD
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT



Trước những khó khăn và thách thức về mọi mặt hoạt động, CTCP Cảng Cần Thơ trong năm 2017 đã vô cùng nỗ lực để hoàn thành mục tiêu giảm lỗ, nâng cao năng lực và trách nhiệm trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. Nhờ đó, doanh thu thuần năm đã tăng trưởng 7,98% và lợi nhuận sau thuế đạt giá trị dương. Ngoài ra, các chính sách mới trong hoạt động vận tải đường biển cũng được Công ty áp dụng và thích ứng tốt. Bên cạnh đó, CCT luôn quan tâm đến các chính sách nhân sự để giữ chân người lao động, các khoản lương, thưởng, phụ cấp trong năm được đảm bảo đầy đủ, các chương trình đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn cho cán bộ công nhân viên được thực hiện phù hợp với yêu cầu công việc.

Tổng kết năm 2017, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của CCT đã khả quan hơn rất nhiều, mức lợi nhuận đã tăng trở lại, các công việc được hoàn thành theo đúng định hướng đặt ra, Ban Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện kịp thời, hỗ trợ và tháo gỡ nhanh chóng các vấn đề tồn đọng. Đây chính là động lực để CCT tiếp tục nâng cao các giá trị của mình trong năm 2018.

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm qua, Ban TGD Công ty đã tập trung và phát huy mọi nguồn lực để hoạt động theo đúng định hướng, mục tiêu và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2017 đề ra. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và theo dõi sát tình hình từ công tác nội bộ đến công tác đối ngoại, đồng thời, chỉ đạo và giải quyết hợp lý trong từng trường hợp, từng thời điểm. Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo, đề xuất nhiều vấn đề, phương hướng quan trọng để Hội đồng quản trị xem xét và đưa ra những giải pháp để hạn chế những bất lợi của tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2017 của Công ty.

Ban Điều hành Cảng Cần Thơ cũng đã nỗ lực, chủ động nghiên cứu, xây dựng và triển khai nhiều giải pháp trong điều kiện nguồn lực của Cảng Cần Thơ còn hạn chế để từng bước ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước sự cạnh tranh ngày càng gia tăng và diễn biến khó lường của tình hình thị trường; đồng thời tìm kiếm, chuyển dịch hoạt động sang các khu vực, thị trường khác để bù đắp sự suy giảm tại các thị trường chính của Công ty.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Sản lượng	TTQ	2.120.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	110.445
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	502
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	502

CÁC BIỆN PHÁP HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH

- Uy tiên tập trung nguồn lực tài chính mua mới các thiết bị, phương tiện chuyên dùng để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh khác, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.
- Chủ động tìm kiếm đối tác, khách hàng mới, mở rộng địa bàn hoạt động và đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh.
- Tăng cường khuyến khích, tập huấn và đào tạo nâng cao kỹ năng, trình độ, tay nghề cho người lao động, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực trong quá trình hoạt động. Tăng lương và thưởng để nâng cao tinh thần làm việc cho cán bộ công nhân viên.
- Chú trọng giải pháp bảo vệ môi trường và an toàn lao động.
- Nâng cao công tác phối hợp giữa các phòng ban và tạo sự đồng bộ trong các hoạt động.

Giải pháp quản trị

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã thực hiện được sau công tác tái cơ cấu, rà soát điều chỉnh những mặt còn hạn chế để nâng cao chất lượng và hiệu quả quản trị doanh nghiệp.
- Sớm ban hành quy chế quản trị chưa đầy đủ, các quy định chuẩn hoá, các định mức cho mọi hoạt động của của công ty.
- HĐQT, Ban Điều hành tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đảm bảo tính công khai minh bạch trong quản trị và điều hành.
- Tăng cường kỷ luật lao động, giữ vững tinh thần đoàn kết tập thể. Luôn quan tâm chăm lo đời sống và điều kiện làm việc của người lao động.

Giải pháp về kinh doanh

- Xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh. Xác định nhóm các mặt hàng, khách hàng chủ lực có sản lượng lớn có nhu cầu sử dụng dịch vụ cảng để tập trung khai thác, xây dựng chính sách linh hoạt về giá cả với từng khách hàng theo đơn vị sản lượng để giữ vững thị phần đặc biệt là đối với mặt hàng Gạo cả xuất khẩu và nội địa.



- ◉ Đẩy mạnh công tác thị trường, công tác tiếp thị, công tác cập nhật thông tin khách hàng, thông tin hàng hoá, thông tin về các dự án hoặc các gói dịch vụ trong lĩnh vực kinh doanh của cảng.
- ◉ Tăng cường kết nối, liên kết với các doanh nghiệp trong cùng hệ thống cảng biển Việt Nam để thiết lập các chuỗi dịch vụ khép kín với nguồn hàng hoá giao dịch tuyến vận tải Bắc – Nam mà nguồn hàng hoá thương mại có điểm đến và đi từ cảng Cần Thơ nói riêng và ĐB SCL nói chung. Tập trung chủ yếu vào các mặt hàng sử dụng container như: Gạo, nông sản, mỡ cá, phân bón, gạch men với VCSC và Phân Urea Đạm Cà Mau đi các tỉnh miền trung với Vimadeco.
- ◉ Xây dựng chiến lược thương hiệu, phát triển và mở rộng thị trường dịch vụ ra các địa bàn khác như: Duyên Hải Trà Vinh, Cảng Sóc Trăng và dịch vụ chuyển tải tại các khu vực khác.
- ◉ Chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để tiến hành tổ chức triển khai sản xuất kinh doanh khai thác hiệu quả cảng Sóc Trăng.
- ◉ Liên doanh liên kết khai thác dịch vụ vận tải đường bộ để bước đầu xây dựng thị trường trong điều kiện cảng chưa thể đầu tư đủ phương tiện vận tải. Cung ứng chuỗi dịch vụ kết hợp xếp dỡ vận chuyển toàn bộ nguyên liệu và sản phẩm cho Cty Thép Tây Đô, Vận chuyển Container cho Nhà máy Lee & Man.
- ◉ Triển khai thêm các dịch vụ mới tại cảng Cái Cui và cảng Hoàng Diệu như: Dịch vụ đóng bao hàng rời, dịch vụ nhận uỷ thác giao nhận hàng hoá gửi kho cảng, từng bước khai thác 100% các dịch vụ tại kho cảng mà trước đây cảng không đủ điều kiện đã giao cho khách hàng tự làm.
- ◉ Cải tạo và xây thêm nhà kho tại Cảng Hoàng Diệu nhằm hướng đến mục tiêu hình thành một tổng kho phân bón phân phối cho toàn khu vực và gia công đóng bao tái xuất đi Campuchia đang có những dấu hiệu thuận lợi. Nắm bắt cơ hội với mặt hàng mỗi năm có sản lượng lớn cung cấp cho thị trường ĐB SCL mà vị trí của cảng Hoàng Diệu đang có nhiều lợi thế nhất.
- ◉ Xây dựng phương án khai thác hữu hiệu diện tích đất, bãi tại hai chi nhánh. Quy hoạch lại mặt bằng dọc theo mặt tiền đường Lê Hồng Phong tại chi nhánh Hoàng Diệu để tăng diện tích hữu ích có thu.
- ◉ Phát triển mạnh dịch vụ kinh doanh xăng dầu. chú trọng việc cung cấp cho tàu biển và các phương tiện đường thủy.
- ◉ Tập trung củng cố về nhân sự, phương tiện thiết bị để nâng tầm hoạt động có hiệu quả của Trung tâm logistics Cảng Cần Thơ đáp ứng được những điều kiện đòi hỏi của thị trường.
- ◉ Lập kế hoạch và các phương án khai thác hiệu quả các cần cầu Kirov thuê của Cảng Hải Phòng.
- ◉ Tiếp tục tăng cường công tác điều chuyển, tăng cường phương tiện thiết bị giữa các chi nhánh nhằm tận dụng tối đa năng lực phương tiện thiết bị.
- ◉ Liên kết và hợp tác với Cảng Sài Gòn để phối hợp tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ gom vét Than đá tại các nhà máy điện trong khu vực trong năm 2018.

- Triển khai áp dụng phần mềm quản lý khai thác cảng, phương tiện vận chuyển xếp dỡ và kết nối giám sát hải quan điện tử (PL-COS) nhằm mang lại những hiệu quả:
- Thiết lập hệ thống thông tin nhất quán, xuyên suốt từ hiện trường sản xuất đến các bộ phận điều hành, quản lý và lãnh đạo.
- Lập kế hoạch, theo dõi, đánh giá các dịch vụ khai thác cảng theo quy trình khép kín từ tàu - bến bãi - khách hàng.
- Nắm bắt chi phí sản xuất, doanh thu thực hiện tại từng thời điểm.
- Kiểm soát đánh giá và sử dụng hiệu quả nguồn lực phục vụ khai thác Cảng. Nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng nhanh chóng, kịp thời và chính xác. Nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Giải pháp về tài chính

- Xây dựng quy chế quản trị rủi ro, rà soát xây dựng, bổ sung, điều chỉnh các định mức về chi phí cho phù hợp điều kiện thực tế của công ty theo hướng tiết kiệm và không lãng phí.
- Tăng cường giám sát, kiểm soát chi phí, giám sát và đánh giá hiệu quả vốn đầu tư.
- Thiết lập hệ thống phân tích giá thành làm cơ sở để xây dựng các giải pháp hạ giá thành dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh trong ngắn hạn và dài hạn.
- Nâng cao chất lượng công tác kiểm soát nợ, thu hồi nợ nhằm hạn chế rủi ro. Bảo toàn và phát triển hiệu quả nguồn vốn.
- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Vinalines giải quyết nguồn vốn vay của Vietinbank Chương Dương.

Giải pháp nguồn nhân lực

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo: Xác định con người là nhân tố quyết định cho sự thành công của doanh nghiệp theo từng giai đoạn. Từ đó xây dựng kế hoạch về nhu cầu lao động phù hợp, xây dựng các biện pháp nâng cao chất lượng lao động theo hướng chính quy, chuyên nghiệp, chuyên ngành để nâng cao hiệu quả và chất lượng thích nghi với đòi hỏi của môi trường cạnh tranh trong kinh doanh ngày càng cao.
- Tinh giảm bộ máy quản lý đến mức hợp lý nhất có thể thông qua việc áp dụng các phần mềm quản lý và công nghệ thông tin. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhân sự phục vụ cho nhu cầu phát triển cảng, thực hiện tốt việc bố trí, sắp xếp, điều chuyển lao động theo nhu cầu sử dụng và năng lực lao động nhằm kích thích tăng trưởng về năng suất lao động.
- Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo công ăn việc làm ổn định, quan tâm cải thiện mức thu nhập, thù lao của người lao động nhằm ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho các CBCNV, đảm bảo tính nguyên tắc công bằng, công khai, minh bạch trong cơ chế lương, thưởng, nâng lương, nâng bậc gắn chặt mức thu nhập với hiệu quả và chất lượng làm việc.
- Thực hiện tốt các nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động theo đúng các quy định của Bộ luật lao động, Luật công đoàn về thực hiện các khoản trích nộp như: BHXH, BHYT, v... chăm lo sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị bảo hộ lao động và thường xuyên quan tâm cải thiện môi trường làm việc của người lao động.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội Đồng Quản Trị
- Ban Kiểm Soát
- Thù lao và các giao dịch



CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	8.560.500	30,06%
2	Nguyễn Văn Bá	Thành viên	5.699.200	20,01%
3	Phan Công Đức	Thành viên	5.702.200	20,02%
4	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	8.259.200	29%

Thay đổi HĐQT trong năm

- ⊗ Miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Hạnh – Chủ tịch HĐQT từ 03/03/2017;
- ⊗ Bổ nhiệm ông Lâm Tiến Dũng – Chủ tịch HĐQT từ 14/04/2017;
- ⊗ Miễn nhiệm ông Phan Thành Tiến, ông Nguyễn Quang Dũng và ông Nguyễn Trường Sơn – Thành viên HĐQT từ 14/04/2017;
- ⊗ Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Phương – Thành viên HĐQT từ 14/04/2017;

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	30	100%	
2	Nguyễn Văn Bá	Phó Chủ tịch	30	100%	
3	Phan Công Đức	Thành viên	30	100%	
4	Nguyễn Văn Phương	Thành viên	25	83%	Tham gia từ 14/04/2017.



LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Văn Phương – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
(xem phần lý lịch Ban TGD)

Ông Lâm Tiến Dũng – Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	09/11/1963
Nơi sinh	Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Máy tàu thủy, Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	3.200
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	8.557.300

Ông Nguyễn Văn Bá – Thành viên HĐQT

Năm sinh	19/07/1962
Nơi sinh	Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	3.200
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	5.696.000

Ông Phan Công Đức – Thành viên HĐQT

Năm sinh	20/10/1960
Nơi sinh	Hậu Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	6.200
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	5.696.000



CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	Số 01/NQ-HĐQT	11/01/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư khu vực neo chuyển tải tại cửa Định An. - Phê duyệt chủ trương thực hiện các thủ tục đầu tư Depot container tại Cảng Cái Cui và xin giao đất đã được quy hoạch để mở rộng Cảng Cái Cui giai đoạn II.
2	Số 02/NQ-HĐQT	03/03/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ với ông Nguyễn Văn Hạnh.
3	Số 03/NQ-HĐQT	15/03/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Tổ giám sát dự án đầu tư xây dựng Kiốt để cho thuê tại Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu. - Phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu năm 2017 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. - Giao cho Tổng giám đốc rà soát, sửa đổi và bổ sung: dự án Đầu tư đường vào kho và bãi xung quanh kho số 07 tại Cảng Cái Cui; Kế hoạch đầu tư, mua sắm, thanh lý tài sản năm 2017; Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và Báo cáo tài chính năm 2016 (đã kiểm toán). - Giao cho Tổng giám đốc làm việc với các bên liên quan để thực hiện tái cơ cấu khoản vay để đầu tư dự án Cảng Cái Cui giai đoạn 2; Rà soát thực hiện các công việc đã chỉ đạo của HĐQT và chỉ đạo các bộ phận có liên quan thực hiện tổng hợp các chi phí hàng tháng của Công ty.
4	Số 04/NQ-HĐQT	14/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Bầu ông Lâm Tiến Dũng giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (tạm thời). - Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT và Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đối với ông Phan Thành Tiến. - Giao ông Nguyễn Văn Phương làm Quyền Tổng giám đốc và làm người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. - Xem xét miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Trường Sơn và ông Nguyễn Quang Dũng. - Thông qua chủ trương miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đề làm thành viên chuyên trách HĐQT Công ty với ông Nguyễn Văn Bá và ông Phan Công Đức.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
5	Số 05/NQ-HĐQT	25/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt cơ cấu lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. - Chấp thuận để Quyền Tổng giám đốc phê duyệt mô hình tổ chức Chi nhánh Cảng Cái Cui và Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu. - Thống nhất miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Văn Bá và ông Phan Công Đức để làm thành viên chuyên trách HĐQT. - Thống nhất chủ trương bổ nhiệm và danh sách nhân sự đề nghị bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty. - Chấp thuận để Quyền Tổng giám đốc giao nhiệm vụ, miễn nhiệm và điều động nhân sự. - Thống nhất giao cho ông Nguyễn Văn Phương kiêm nhiệm vụ Quyền Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cần Thơ. - Phê duyệt chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.
6	Số 06/NQ-HĐQT	26/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt chủ trương đầu tư phần mềm quản trị văn phòng.
7	Số 07/NQ-HĐQT	04/05/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận để Quyền Tổng giám đốc miễn nhiệm, giao nhiệm vụ, điều động nhân sự và hoàn tất cơ cấu lại bộ máy mới của Công ty. - Phê duyệt nội dung phân công nhiệm vụ tạm thời cho các thành viên HĐQT. - Giao cho Quyền Tổng giám đốc triển khai kế hoạch hành động năm 2017 đã được HĐQT duyệt.
8	Số 08/NQ-HĐQT	16/06/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt chủ trương kiểm định các cầu cảng của Công ty. - Giao Quyền Tổng giám đốc rà soát, tính toán chi phí và doanh thu cần trực Bucyrus 38B. - Chấp thuận chủ trương, chức danh, số lượng và nhân sự cử làm Người đại diện phần vốn của Công ty. - Thống nhất để Quyền Tổng giám đốc phê duyệt mô hình tổ chức Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cần Thơ. - Giao cho Quyền Tổng giám đốc thực hiện nộp ngân sách Nhà nước. - Phê duyệt Quy chế quản lý tài chính (sửa đổi lần 1); Quy chế công bố thông tin (sửa đổi lần 1) và Quy



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
			chế tổ chức và hoạt động của HĐQT của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
9	Số 09/NQ-HĐQT	21/06/2017	- Thống nhất giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
10	Số 10/NQ-HĐQT	26/06/2017	- Phê duyệt chủ trương sửa chữa cần trục Bucyrus 38B.
11	Số 11/NQ-HĐQT	29/06/2017	- Phê duyệt chủ trương trang bị bơm cứu hỏa dự phòng cho Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui.
12	Số 12/NQ-HĐQT	05/07/2017	- Chấp thuận cho Công ty TNHH Kwong Lung – Meko thuê kho, bãi hậu phương của Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu. - Chấp thuận để Quyền Tổng giám đốc quyết định ban hành Quy định trả lương tạm thời cho cán bộ công nhân viên.
13	Số 13/NQ-HĐQT	11/07/2017	- Thống nhất danh sách nhân sự dự kiến để quy hoạch đối với chức danh Phó Tổng giám đốc giai đoạn 2016-2021.
14	Số 14/NQ-HĐQT	12/07/2017	- Biểu quyết thông qua danh sách nhân sự quy hoạch chức danh Phó Tổng giám đốc giai đoạn 2016 – 2021.
15	Số 15/NQ-HĐQT	25/07/2017	- Phê duyệt báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017. - Thông qua kế hoạch đầu tư, mua sắm, thanh lý tài sản năm 2017 của Công ty.
16	Số 16/NQ-HĐQT	05/09/2017	- Phê duyệt dự án đầu tư 01 xe chụp container và dự án đầu tư kho hàng tổng hợp từ kho CFS. - Phê duyệt chủ trương cải tạo, sửa chữa Cửa hàng xăng dầu Cảng Cần Thơ. - Chấp thuận điều chỉnh Hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
17	Số 17/NQ-HĐQT	11/09/2017	- Thống nhất phê duyệt quy hoạch chức danh Phó Tổng giám đốc. - Giao Tổng giám đốc đối chiếu với tiêu chuẩn chức danh quy hoạch để đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ theo quy định.
18	Số 18/NQ-HĐQT	31/10/2017	- Bổ nhiệm ông Lê Tiến Công giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ phụ trách lĩnh vực kinh doanh của Chi nhánh Cảng Cái Cui.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm ông Tạ Khả Duy giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ phụ trách lĩnh vực kinh doanh của Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu. - Giao cho Quyền Tổng giám đốc tổ chức triển khai các thủ tục theo quy trình bổ nhiệm.
19	Số 19/NQ-HĐQT	03/11/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt danh sách nhân sự dự kiến quy hoạch chức vụ Tổng giám đốc giai đoạn 2017 – 2022 để lấy ý kiến Đảng ủy Công ty. - Giao cho Phòng Tổng hợp chuẩn bị các thủ tục tiếp theo của công tác quy hoạch chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
20	Số 20/NQ-HĐQT	07/11/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Giao Quyền Tổng giám đốc rà soát lại các hạng mục đầu tư xây dựng, mua sắm năm 2017; Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; Nghiên cứu, xây dựng phương án cụ thể và thực hiện xử lý vướng mắc tại Công ty liên kết – Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn. - Giao Quyền Tổng giám đốc và Phòng Tài chính Kế toán xây dựng phương án, lộ trình xử lý và thu hồi công nợ. - Đề nghị Ban Điều hành và các chi nhánh tập trung nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các giải pháp để phần đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.
21	Số 21/NQ-HĐQT	09/11/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt danh sách nhân sự dự kiến quy hoạch chức vụ Tổng giám đốc giai đoạn 2017 – 2022 để lấy ý kiến Hội nghị cán bộ chủ chốt. - Giao cho Phòng Tổng hợp chuẩn bị các thủ tục tiếp theo của công tác quy hoạch chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
22	Số 22/NQ-HĐQT	16/11/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đầu tư 01 xe chụp container và đầu tư kho hàng tổng hợp từ kho CFS đã chuyển đổi công năng. - Giao Quyền Tổng giám đốc và Kế toán trưởng phối hợp làm việc với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam nhằm kết thúc tái cơ cấu khoản nợ vay. - Thống nhất gia hạn thời gian giao làm Quyền Tổng giám đốc Công ty cho ông Nguyễn Văn Phương cho đến khi có nhân sự Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ mới.



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
23	Số 23/NQ-HĐQT	27/11/2017	- Không chấp thuận chủ trương mua thanh lý 02 xe đầu kéo hiệu Bolnas của Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn.
24	Số 24/NQ-HĐQT	11/12/2017	- Bổ nhiệm ông Lê Tiến Công và ông Tạ Khả Duy giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
25	Số 25/NQ-HĐQT	12/12/2017	- Thành lập Tổ công tác rà soát các vấn đề có liên quan đến hoạt động đầu tư Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn.
26	Số 26/NQ-HĐQT	13/12/2017	- Chấp thuận ông Nguyễn Văn Dục được nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội kể từ ngày 01/01/2018.
27	Số 27/NQ-HĐQT	14/12/2017	- Giao ông Phan Thành Tiến làm việc với Giám đốc Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn các vấn đề: + Tuyên bố vô hiệu hợp đồng thuê bến xếp dỡ hàng hóa. + Đề nghị Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn ưu tiên hoạt động bốc xếp hàng hóa cho Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
28	Số 28/NQ-HĐQT	21/12/2017	- Thành lập Tổ giúp việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
29	Số 01/QĐ-HĐQT	11/01/2017	- Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư khu vực neo chuyển tải tại cửa Định An.
30	Số 02/QĐ-HĐQT	25/01/2017	- Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
31	Số 03/QĐ-HĐQT	25/01/2017	- Ban hành Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
32	Số 04/QĐ-HĐQT	25/01/2017	- Ban hành Quy chế quản lý nợ tại Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
33	Số 05/QĐ-HĐQT	03/03/2017	- Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ, nhiệm kỳ 2015-2020 đối với ông Nguyễn Văn Hạnh.
34	Số 06/QĐ-HĐQT	15/03/2017	- Thành lập Tổ giám sát dự án đầu tư xây dựng Kiốt để cho thuê tại Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu.
35	Số 07/QĐ-HĐQT	14/04/2017	- Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đối với ông Phan Thành Tiến.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
36	Số 08/QĐ-HĐQT	14/04/2017	- Bổ nhiệm ông Lâm Tiến Dũng giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (tạm thời).
37	Số 09/QĐ-HĐQT	14/04/2017	- Giao ông Nguyễn Văn Phương làm Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (người đại diện theo pháp luật của Công ty) trong thời gian 06 tháng kể từ ngày 14/04/2017.
38	Số 10/QĐ-HĐQT	25/04/2017	- Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đối với ông Nguyễn Văn Bá.
39	Số 11/QĐ-HĐQT	25/04/2017	- Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đối với ông Phan Công Đức.
40	Số 12/QĐ-HĐQT	25/04/2017	- Giao ông Nguyễn Văn Phương, Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ kiêm nhiệm vụ Quyền Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cần Thơ.
41	Số 13/QĐ-HĐQT	25/04/2017	- Phê duyệt việc cơ cấu lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ theo đề nghị của Quyền Tổng giám đốc.
42	Số 14/QĐ-HĐQT	26/04/2017	- Phê duyệt chủ trương đầu tư mua sắm phần mềm quản trị văn phòng.
43	Số 15/QĐ-HĐQT	04/05/2017	- Phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
44	Số 16/QĐ-HĐQT	16/06/2017	- Phê duyệt chủ trương kiểm định các cầu cảng của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
45	Số 17/QĐ-HĐQT	16/06/2017	- Ban hành Quy chế quản lý tài chính (sửa đổi lần 1) của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
46	Số 18/QĐ-HĐQT	16/06/2017	- Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (sửa đổi lần 1).
47	Số 19/QĐ-HĐQT	16/06/2017	- Ban hành Quy chế công bố thông tin (sửa đổi lần 1) của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
48	Số 20/QĐ-HĐQT	26/06/2017	- Phê duyệt chủ trương sửa chữa cần trục Bucyrus 38B.
49	Số 21/QĐ-HĐQT	29/06/2017	- Phê duyệt chủ trương trang bị bơm cứu hỏa dự phòng cho Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui.



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
50	Số 110/QĐ-HĐQT	07/07/2017	- Cử người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn.
51	Số 22/QĐ-HĐQT	05/09/2017	- Phê duyệt dự án đầu tư 01 xe chụp container.
52	Số 23/QĐ-HĐQT	05/09/2017	- Phê duyệt dự án đầu tư kho hàng tổng hợp từ kho CFS đã chuyển đổi công năng.
53	Số 24/QĐ-HĐQT	05/09/2017	- Phê duyệt chủ trương cải tạo, sửa chữa cửa hàng xăng dầu Cảng Cần Thơ.
54	Số 25/QĐ-HĐQT	11/09/2017	- Phê duyệt Quy hoạch chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ giai đoạn 2016 – 2021.
55	Số 26/QĐ-HĐQT	16/11/2017	- Gia hạn thời gian giao làm Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
56	Số 27/QĐ-HĐQT	16/11/2017	- Điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đầu tư 01 xe chụp container và đầu tư kho hàng tổng hợp từ kho CFS đã chuyển đổi công năng.
57	Số 28/QĐ-HĐQT	11/12/2017	- Bổ nhiệm ông Lê Tiến Công giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
58	Số 29/QĐ-HĐQT	11/12/2017	- Bổ nhiệm ông Tạ Khả Duy giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
59	Số 30/QĐ-HĐQT	12/12/2017	- Thành lập Tổ công tác rà soát các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn.
60	Số 31/QĐ-HĐQT	13/12/2017	- Nghỉ hưu để hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội đối với ông Nguyễn Văn Dục.
61	Số 32/QĐ-HĐQT	21/12/2017	- Thành lập Tổ giúp việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.



CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Hồng Hải	Trưởng Ban	-	-
2	Trịnh Thanh Tùng	Thành viên	1.900	0,01%
3	Nguyễn Văn Hiền	Thành viên	-	-

LÝ LỊCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Hồng Hải – Trưởng BKS	
Năm sinh	27/10/1975
Nơi sinh	Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

Ông Trịnh Thanh Tùng – Thành viên BKS	
Năm sinh	10/07/1978
Nơi sinh	Hậu Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế Lao động, Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	1.900
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

Ông Nguyễn Văn Hiền – Thành viên BKS	
Năm sinh	15/12/1982
Nơi sinh	Hậu Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế - Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-



CÁC BUỔI HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Hồng Hải	Trưởng Ban	03	100	
2	Trịnh Thanh Tùng	Thành viên	03	100	
3	Nguyễn Văn Hiền	Thành viên	03	100	

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ năm 2017 về hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cảng Cần Thơ, các quy chế nội bộ và Quy chế tổ chức & hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành theo Quyết định số 01/QĐ-BKS ngày 9/5/2015. Ban Kiểm soát đã triển khai, thực hiện những nội dung chính như sau:

- ⊗ Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017.
- ⊗ Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành.
- ⊗ Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua năm 2017.
- ⊗ Công tác triển khai các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
- ⊗ Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.
- ⊗ Giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- ⊗ Rà soát việc tuân thủ quy chế, quy định nội bộ của Công ty đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ⊗ Thông qua hoạt động giám sát, kiểm tra trao đổi, có ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Trưởng các Phòng tham mưu, các đơn vị trực thuộc nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp.
- ⊗ Tổ chức họp định kỳ và tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị tại trụ sở Công ty, thông qua đó giám sát việc ghi chép nội dung Biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp được thư ký Công ty ghi chép đầy đủ trung thực ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị. Trên cơ sở nội dung từng Biên bản cuộc họp, ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị và việc ký tại Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký và ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty, Biên bản, Nghị quyết, Quyết định đều được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền, kịp thời và đều đạt được sự nhất trí cao của các thành viên Hội đồng quản trị để chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Cần Thơ, từng bước tháo gỡ những khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc trong điều hành của Cảng Cần Thơ.

- Xem xét, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty và các chi nhánh nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót để đưa ra kiến nghị, giải pháp phù hợp đối với Ban lãnh đạo của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc lập và trình bày báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm 2017 nhằm đánh giá tính hợp lý, phù hợp của các số liệu tài chính kế toán.
- Phối hợp với Kiểm toán độc lập để xem xét để xem xét các ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện những kiến nghị của Kiểm toán độc lập.
- Giám sát thực hiện những yêu cầu, chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng.
- Thực hiện một số việc khác theo quy định.



LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/năm (đồng)	Lương, thường/năm (đồng)
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	-	231.600.000
2	Nguyễn Văn Bá	Thành viên	-	181.200.000
3	Phan Công Đức	Thành viên	-	181.200.000
4	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT kiêm TGD	24.000.000	207.600.000
5	Nguyễn Hồng Hải	Trưởng BKS	24.000.000	-
6	Trịnh Thanh Tùng	Thành viên BKS	18.000.000	-
7	Nguyễn Văn Hiền	Thành viên BKS	18.000.000	-
8	Nguyễn Văn Dục	Phó TGD	-	181.200.000
9	Lâm Trúc Sơn	Kế toán trưởng	-	164.400.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ luôn tuân thủ, thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị Công ty.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 07 tháng 02 năm 2018, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh – Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2018-008-1



Nguyễn Thị Bé Ghi – Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2646-2018-008-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.280.885.055	63.283.638.245
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.413.204.721	26.234.636.343
1. Tiền	111		16.913.204.721	6.934.636.343
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.500.000.000	19.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.673.537.306	35.571.901.978
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	21.160.352.784	19.671.897.693
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.376.776.958	1.201.826.002
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	9.482.844.631	15.044.615.350
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(346.437.067)	(346.437.067)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		790.070.999	630.494.383
1. Hàng tồn kho	141	V.7	790.070.999	630.494.383
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.404.072.029	846.605.541
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	465.603.386	798.744.899
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		938.468.643	47.860.642
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



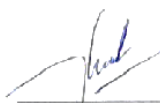
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		317.488.599.563	328.918.045.984
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		120.485.000	135.485.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	120.485.000	135.485.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		239.566.284.624	251.569.483.249
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	234.158.979.071	245.960.889.888
- Nguyên giá	222		428.875.078.421	389.015.798.956
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(194.716.099.350)	(143.054.909.068)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.407.305.553	5.608.593.361
- Nguyên giá	228		8.055.335.602	8.055.335.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.648.030.049)	(2.446.742.241)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		70.956.302.634	70.074.223.543
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	70.956.302.634	70.074.223.543
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.497.251.573	4.497.251.573
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	4.497.251.573	4.497.251.573
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.348.275.732	2.641.602.619
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.348.275.732	2.641.602.619
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		378.769.484.618	392.201.684.229


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		115.726.467.015	119.728.644.949
I. Nợ ngắn hạn	310		39.952.010.467	40.096.676.528
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.454.445.452	1.344.195.061
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	24.670.583	45.255.429
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	861.688.539	810.512.205
4. Phải trả người lao động	314	V.15	1.347.293.723	1.064.034.112
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	117.526.636	387.995.791
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	31.749.565.038	33.337.927.061
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	4.096.136.073	2.721.136.082
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	300.684.423	385.620.787
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		75.774.456.548	79.631.968.421
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	22.632.778.952	21.269.154.752
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	53.141.677.596	58.362.813.669
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-




CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		263.043.017.603	272.473.039.280
I. Vốn chủ sở hữu	410		263.043.017.603	272.473.039.280
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20a	275.281.179.597	284.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.281.179.597	284.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	646.231.180	646.231.180
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	(12.884.393.174)	(12.973.191.900)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(12.973.191.900)	(12.973.191.900)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		88.798.726	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		378.769.484.618	392.201.684.229

TP. Cần Thơ, ngày 07 tháng 02 năm 2018


 Thái Thị Mỹ Linh
 Người lập


 Lâm Trúc Sơn
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Phương
 Quyền Tổng Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	96.855.404.895	89.690.563.729
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V1.2	9.404.300	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d	10		96.846.000.595	89.690.563.729
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.3	71.833.799.013	74.904.979.450
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp d	20		25.012.201.582	14.785.584.279
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.4	3.241.226.185	2.811.472.238
7. Chi phí tài chính	22	V1.5	5.508.565.328	5.994.226.250
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.505.386.739	5.994.226.250
8. Chi phí bán hàng	25	V1.6	1.352.610.420	2.588.183.691
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.7	22.880.492.377	22.199.416.231
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.488.240.358)	(13.184.769.655)
11. Thu nhập khác	31	V1.8	1.679.620.899	291.346.232
12. Chi phí khác	32	V1.9	102.581.815	79.768.477
13. Lợi nhuận khác	40		1.577.039.084	211.577.755
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		88.798.726	(12.973.191.900)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hà	51	V.14	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lạ	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		88.798.726	(12.973.191.900)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.10	3,12	(455,52)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V1.10	3,12	(455,52)


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập



TP. Cần Thơ, ngày 07 tháng 02 năm 2018

Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởngNguyễn Văn Phương
Quyền Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

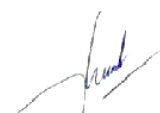
Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		88.798.726	(12.973.191.900)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,V.10	16.237.569.383	18.262.093.139
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	3.178.589	(13.627.493)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4,VI.8	(3.501.364.765)	(1.826.069.810)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	5.505.386.739	5.994.226.250
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.333.568.672	9.443.430.186
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.096.400.507)	6.919.379.078
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(159.576.616)	(87.529.675)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(944.209.922)	(17.479.900.579)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		626.468.400	1.956.224.354
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.632.282.305)	(6.012.774.039)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(84.936.364)	(45.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.042.631.358	(5.306.370.675)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9,V.11	(5.188.776.363)	(4.365.953.135)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		407.272.727	764.370.796
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		766.755.327	1.780.979.532
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.014.748.309)	(1.820.602.807)



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a,b	(3.846.136.082)	(2.831.704.123)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(3.846.136.082)</u>	<u>(2.831.704.123)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.818.253.033)	(9.958.677.605)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	26.234.636.343	36.179.686.455
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.5	(3.178.589)	13.627.493
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>23.413.204.721</u>	<u>26.234.636.343</u>

TP. Cần Thơ, ngày 07 tháng 02 năm 2018


 Thái Thị Mỹ Linh
 Người lập


 Lâm Trúc Sơn
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Phương
 Quyền Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hoá đường bộ; Bốc xếp hàng hoá cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh (kho ngoại quan); Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho khác;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuê hải quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hoá đường bộ bằng xe tải, xe container;
- Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm ngày 22 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam đã ra Quyết định số 628/QĐ-HHVN về việc phê duyệt Báo cáo tài chính, quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư và công bố giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa (ngày 31 tháng 3 năm 2015) chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ. Vấn đề này đã ảnh hưởng đến các số liệu liên quan đến cổ phần hoá được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (Thuyết minh V.5a, V.9, V.17a và V.20a).

6. Cấu trúc Công ty***Công ty liên doanh, liên kết***

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn có trụ sở chính tại Hương lộ 81, ấp Cồn Ông, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh hình thức phân chia lợi nhuận trước thuế. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên doanh này là: Cung cấp các dịch vụ kinh doanh bốc xếp, vận chuyển hàng hoá, cho thuê bến bãi. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên doanh này là 50%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.



Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cần Thơ	Số 02 khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP.Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui	Số 02 khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP.Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu	Số 27 Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 162 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 161 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên từ sau giai đoạn cổ phần hoá bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được trích lập khi công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh. Nếu công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.



- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.



Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 18
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05
Tài sản cố định khác	05 - 14

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.



10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.



- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lợi nhuận được chia

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.031.306.742	397.611.248
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.881.897.979	6.537.025.095
Các khoản tương đương tiền	6.500.000.000	19.300.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>6.500.000.000</u>	<u>19.300.000.000</u>
Cộng	<u>23.413.204.721</u>	<u>26.234.636.343</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn ⁽¹⁾	<u>4.497.251.573</u>	-	<u>4.497.251.573</u>	-
Cộng	<u>4.497.251.573</u>		<u>4.497.251.573</u>	

- ⁽¹⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100420844 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 8 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn 10.000.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.497.251.573 VND, tương đương 22,49% vốn điều lệ (số đầu năm là 4.497.251.573 VND, tương đương 22,49% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn là 5.502.748.427 VND tương đương 27,51% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.



Giao dịch với công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn là công ty liên doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận được chia	2.549.663.225	1.713.798.000

Cam kết góp vốn

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký với Công ty TNHH xây dựng và khảo sát công trình Thanh Tuấn về việc thành lập Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn để thực hiện kinh doanh các các lĩnh vực dịch vụ, Công ty cam kết sẽ góp 50% trong tổng vốn điều lệ của công ty này với số tiền là 10.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty chưa thực hiện việc góp vốn đủ theo cam kết.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	2.088.356.569	-
Công ty TNHH Xây dựng và Khảo sát công trình Thanh Tuấn	990.807.876	1.041.307.876
Các khách hàng khác	18.081.188.339	18.630.589.817
Cộng	<u>21.160.352.784</u>	<u>19.671.897.693</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	2.100.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Nam Việt	574.145.700	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Miền Nam		278.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Quân Đô	625.500.000	625.500.000
Các nhà cung cấp khác	2.077.131.258	298.326.002
Cộng	<u>5.376.776.958</u>	<u>1.201.826.002</u>

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	2.399.663.225	-	-	-
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn – Phải thu tiền lợi tức	2.399.663.225	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.083.181.406	-	15.044.615.350	-
Tạm ứng	3.236.049.112	-	2.903.150.243	-



	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ phần hoá (*)	1.267.074.734	-	11.771.045.632	-
Ký quỹ, ký cược	1.897.100.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	682.957.560	-	370.419.475	-
Cộng	9.482.844.631	-	15.044.615.350	-

(*) Khoản phải thu về cổ phần hoá còn lại sau quyết toán với Tổng Công ty chưa được xử lý.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Các khoản ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	30.000.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	105.485.000	-	105.485.000	-
Cộng	120.485.000	-	135.485.000	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Công ty Cổ phần chế biến lâm sản xuất khẩu Hưng Phú		178.549.894	-		178.549.894	-
<i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>178.549.894</i>	<i>-</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>178.549.894</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Cần Thơ		148.379.646	-		148.379.646	-
<i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>148.379.646</i>	<i>-</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>148.379.646</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hàng hải Song Cầu		19.507.527	-		19.507.527	-
<i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>19.507.527</i>	<i>-</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>19.507.527</i>	<i>-</i>
Cộng		346.437.067	-		346.437.067	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	346.437.067	346.437.067
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	346.437.067	346.437.067



7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.332.288	-	27.428.374	-
Công cụ, dụng cụ	306.421.548	-	348.260.788	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	106.042.559			
Hàng hóa	371.274.604	-	254.805.221	-
Cộng	790.070.999	-	630.494.383	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	149.648.694	421.364.223
Chi phí sửa chữa	258.224.664	341.350.862
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	57.730.028	36.029.814
Cộng	465.603.386	798.744.899

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	711.256.687	1.385.336.390
Chi phí sửa chữa	1.431.601.455	1.195.849.351
Các chi phí trả trước dài hạn khác	205.417.590	60.416.878
Cộng	2.348.275.732	2.641.602.619

9. Tài sản cố định hữu hình

Xem phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc có giá trị còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính theo sổ sách là 103.404.222.774 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
Số cuối năm	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.371.142.241	75.600.000	2.446.742.241
Khấu hao trong năm	150.887.808	50.400.000	201.287.808
Số cuối năm	2.522.030.049	126.000.000	2.648.030.049

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.432.193.361	176.400.000	5.608.593.361
Số cuối năm	5.281.305.553	126.000.000	5.407.305.553
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Phân bổ chi phí	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	3.612.877.273	(3.612.877.273)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	70.074.223.543	1.487.899.090	(605.819.999)	-	70.956.302.634
<i>Công trình xây dựng bãi 5A, 6, 10 Cảng Cái Cui</i>	<i>1.806.125.790</i>	<i>826.969.091</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>2.633.094.881</i>
<i>Công trình xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn 1</i>	<i>68.081.734.117</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>68.081.734.117</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>186.363.636</i>	<i>660.929.999</i>	<i>(605.819.999)</i>	<i>-</i>	<i>241.473.636</i>
Sửa chữa tài sản cố định	-	38.694.545	-	(38.694.545)	-
Cộng	70.074.223.543	5.139.470.908	(4.218.697.272)	(38.694.545)	70.956.302.634

Công ty đã thế chấp, cầm cố công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 70.714.828.998 VND (số đầu năm là 70.074.223.543 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Cổ phần Dầu khí ABE	676.080.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	36.969.000	103.018.788
Công ty TNHH Xây dựng Thủy lợi Cửu Long	-	157.469.004
Doanh nghiệp tư nhân Tín Đạt	-	226.221.974
Các nhà cung cấp khác	741.396.452	857.485.295
Cộng	1.454.445.452	1.344.195.061

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty Vận tải biển Thái Bình	2.500.000	2.500.000



	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Lilama 69-1	20.890.000	20.890.000
Công ty TNHH Xử lý nước Đức Hiếu	-	20.000.000
Các khách hàng khác	1.280.583	1.865.429
Cộng	<u>24.670.583</u>	<u>45.255.429</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	708.890.470	-	4.679.617.812	(4.628.441.478)	760.066.804	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	964.035	-	13.804.727	(13.804.727)	964.035	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	100.657.700	-	6.266.154.123	(6.266.154.123)	100.657.700	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	<u>810.512.205</u>	<u>-</u>	<u>10.964.576.662</u>	<u>(10.913.400.328)</u>	<u>861.688.539</u>	<u>-</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ quốc tế	0%
- Mặt hàng nước sinh hoạt	5%
- Hàng hoá và dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	88.798.726	(12.973.191.900)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	88.798.726	(12.973.191.900)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	(88.798.726)	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>-</u>	<u>-</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế



đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Tiền thuê đất và thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	1.347.293.723	1.064.034.112
Cộng	<u>1.347.293.723</u>	<u>1.064.034.112</u>

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	117.526.636	382.570.791
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	5.425.000
Cộng	<u>117.526.636</u>	<u>387.995.791</u>

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>2.963.313.047</u>	<u>3.450.316.184</u>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – Các khoản chi phí liên quan đến các dự án	2.963.313.047	3.450.316.184
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>28.786.251.991</u>	<u>29.887.610.877</u>
Phải trả về cổ phần hoá (*)	59.550.560	1.308.165.950
Kinh phí công đoàn	-	50.153.753
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	350.000.000	1.091.000.000
Lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương	27.696.315.329	26.823.210.895
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	680.386.102	615.080.279
Cộng	<u>31.749.565.038</u>	<u>33.337.927.061</u>

(*) Khoản phải trả về cổ phần hoá còn lại sau khi quyết toán với Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam chưa được xử lý.

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Ủy Ban nhân dân TP.Cần Thơ – Vốn ngân sách Nhà nước đầu tư dự án Cái Cui	20.023.518.102	20.023.518.102
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.609.260.850	1.245.636.650
Cộng	<u>22.632.778.952</u>	<u>21.269.154.752</u>



18. Vay**18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	4.096.136.073	2.721.136.082
Cộng	<u>4.096.136.073</u>	<u>2.721.136.082</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	2.721.136.082
Số tiền vay phát sinh	-
Kết chuyển từ vay dài hạn	4.096.136.073
Số tiền vay đã trả	<u>(2.721.136.082)</u>
Số cuối năm	<u>4.096.136.073</u>

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả tổ chức khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng	53.141.677.596	58.141.677.596
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương ⁽ⁱ⁾</i>	<i>53.141.677.596</i>	<i>58.141.677.596</i>
Vay dài hạn tổ chức khác	-	221.136.073
<i>Vay Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>-</i>	<i>221.136.073</i>
Cộng	<u>53.141.677.596</u>	<u>58.362.813.669</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương căn cứ Thỏa thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ nợ giữa Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ (đến nay được cổ phần hoá thành Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ) để tiếp tục hoạt động dự án Cảng Cần Thơ. Nợ gốc và lãi vay được trả định kỳ theo lịch trả nợ thỏa thuận lúc đầu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tất cả các tài sản của dự án Cảng Cần Thơ (xem thuyết minh số V.9 và V.11).

(ii) Vay Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn từ nguồn nợ vay của Ngân hàng Thế Giới liên quan đến dự án nâng cấp 2 tuyến đường thủy nội địa và Cảng Cần Thơ. Nợ gốc và lãi vay được trả định kỳ theo Thông báo của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.096.136.073	2.721.136.082
Trên 1 năm đến 5 năm	28.000.000.000	22.221.136.073
Trên 5 năm	25.141.677.596	36.141.677.596
Cộng	<u>57.237.813.669</u>	<u>61.083.949.751</u>



Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngắn hạn	58.141.677.596	(1.125.000.000)	(3.875.000.000)	53.141.677.596
Vay dài hạn tổ chức khác	221.136.073	-	(221.136.073)	-
Cộng	58.362.813.669	(1.125.000.000)	(4.096.136.073)	53.141.677.596

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	213.292.472	(55.200.000)	158.092.472
Quỹ phúc lợi	172.328.315	(29.736.364)	142.591.951
Cộng	385.620.787	(84.936.364)	300.684.423

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	272.566.179.597	282.085.000.000
Các cổ đông khác	2.715.000.000	2.715.000.000
Cộng	275.281.179.597	284.800.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Tại thời điểm ngày 22 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam đã ra Quyết định số 628/QĐ-HHVN về việc phê duyệt Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2015, quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư và công bố giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ. Do đó giá trị phần vốn góp của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam vào Công ty giảm 9.518.820.403 VND và giá trị vốn góp của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 272.566.179.597 VND.

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.480.000	28.480.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	28.480.000	28.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		



	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	28.480.000	28.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 50.449,25 USD (số đầu năm là 50.449,07 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	10.666.134.722	9.554.388.845
Doanh thu cung cấp dịch vụ	86.189.270.173	80.136.174.884
Cộng	<u>96.855.404.895</u>	<u>89.690.563.729</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không có phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản chiết khấu thương mại.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.874.717.254	8.768.184.892
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	61.959.081.759	66.136.794.558
Cộng	<u>71.833.799.013</u>	<u>74.904.979.450</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	616.755.327	971.774.935
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	74.807.633	112.271.810
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	13.627.493
Lợi nhuận được chia từ đầu tư	2.549.663.225	1.713.798.000
Cộng	<u>3.241.226.185</u>	<u>2.811.472.238</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi vay ngân hàng	5.505.386.739	5.994.226.250



	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.178.589	-
Cộng	<u>5.508.565.328</u>	<u>5.994.226.250</u>
6. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	694.376.332	1.370.961.832
Chi phí vật liệu, bao bì	-	3.400.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	21.927.423	12.258.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	130.391.541	202.107.804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.631.848	180.362.362
Các chi phí khác	417.283.276	819.092.832
Cộng	<u>1.352.610.420</u>	<u>2.588.183.691</u>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.847.394.707	11.217.089.744
Chi phí vật liệu quản lý	783.801.554	679.966.257
Chi phí đồ dùng văn phòng	177.735.596	121.284.052
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.074.880.112	2.606.812.468
Thuế, phí và lệ phí	99.519.380	204.420.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.782.650.586	2.428.078.112
Các chi phí khác	5.114.510.442	4.941.765.344
Cộng	<u>22.880.492.377</u>	<u>22.199.416.231</u>
8. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý tài sản cố định	334.946.213	-
Thu tiền bốc xếp	-	207.005.329
Thu các khoản công nợ đã xóa sổ	303.865.860	-
Thu từ đền bù, bồi thường	830.198.721	-
Thu nhập khác	210.610.105	84.340.903
Cộng	<u>1.679.620.899</u>	<u>291.346.232</u>
9. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt chậm nộp thuế	75.699.855	-
Tiền phạt bồi thường	-	56.431.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	9.523.808
Chi phí khác	26.881.960	13.813.078
Cộng	<u>102.581.815</u>	<u>79.768.477</u>



10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	88.798.726	(12.973.191.900)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	88.798.726	(12.973.191.900)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	28.480.000	28.480.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>3,12</u>	<u>(455,52)</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.974.839.530	4.644.056.384
Chi phí nhân công	23.960.983.159	23.005.112.652
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.237.569.383	18.262.093.139
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.433.743.702	30.720.743.599
Chi phí khác	13.306.337.985	14.159.508.266
Cộng	<u>85.913.473.759</u>	<u>90.791.514.040</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.059.750.000	941.125.000
Thù lao	18.000.000	-
Phụ cấp	25.840.000	-
Cộng	<u>1.103.590.000</u>	<u>941.125.000</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn	Công ty liên doanh

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê tài sản	-	866.733.335
Thu hộ	10.088.192	364.229.476
Chi hộ	497.091.329	356.469.476

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5a và V.17a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ cảng. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh nhiên liệu,... chỉ chiếm tỷ trọng khoảng 11% tổng doanh thu trong năm 2017. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh**3a. Sai sót**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty trình bày khoản lãi tiền vay phải trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương với số tiền trên sổ sách là 26.823.210.895 VND ở chỉ tiêu “Phải trả dài hạn khác” thay vì ở chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” và khoản lỗ lũy kế của giai đoạn trước cổ phần hoá với số tiền trên sổ sách là 10.785.895.137 VND ở chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” thay vì ở chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác”.

3b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:



	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.258.720.213	10.785.895.137	15.044.615.350
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(23.759.087.037)	10.785.895.137	(12.973.191.900)
Phải trả ngắn hạn khác	319	6.514.716.166	26.823.210.895	33.337.927.061
Phải trả dài hạn khác	337	48.092.365.647	(26.823.210.895)	21.269.154.752

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Cần Thơ, ngày 07 tháng 02 năm 2018


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập

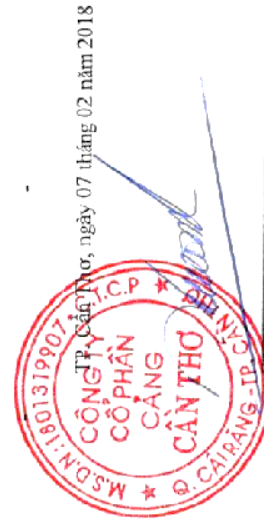

Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phương
Quyền Tổng Giám đốc



	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	316.466.560.231	5.929.929.786	65.915.539.491	460.248.939	243.520.509	389.015.798.956
Mua trong năm	-	88.000.000	-	-	-	88.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	415.142.727	-	3.803.554.545	-	-	4.218.697.272
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.348.533.968)	-	-	(1.348.533.968)
Điều chỉnh theo Quyết toán Tổng Công ty về cổ phần hóa	38.081.687.016	1.218.410.043	(2.526.428.068)	12.361.061	115.086.109	36.901.116.161
Số cuối năm	354.963.389.974	7.236.339.829	65.844.132.000	472.610.000	358.606.618	428.875.078.421
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.632.039.860	127.849.189	14.510.638.401	54.869.750	67.200.489	20.392.597.689
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	94.462.888.690	3.910.553.723	44.389.980.990	135.920.024	155.565.641	143.034.909.068
Khấu hao trong năm	11.528.090.406	585.744.303	3.863.832.879	33.390.636	25.223.351	16.036.281.575
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.276.207.454)	-	-	(1.276.207.454)
Điều chỉnh theo Quyết toán Tổng Công ty về cổ phần hóa	38.081.687.016	1.218.410.043	(2.526.428.068)	12.361.061	115.086.109	36.901.116.161
Số cuối năm	144.072.666.112	5.714.708.069	44.451.178.347	181.671.721	295.873.101	194.716.099.350
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	222.003.671.541	2.019.376.063	21.525.558.501	324.328.915	87.954.868	245.960.889.888
Số cuối năm	210.890.725.862	1.521.631.760	21.392.955.653	290.938.279	62.731.517	234.188.979.071
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-



(Handwritten signature)

Lâm Phúc Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phương
Quyền Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	284.800.000.000	-	(9.708.843.170)	275.091.156.830
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(12.973.191.900)	(12.973.191.900)
Trích lập các quỹ	-	646.231.180	(1.077.051.967)	(430.820.787)
Chuyển khoản lỗ giai đoạn Nhà nước sang chờ quyết toán	-	-	10.785.895.137	10.785.895.137
Số dư cuối năm trước	284.800.000.000	646.231.180	(12.973.191.900)	272.473.039.280
Số dư đầu năm nay	284.800.000.000	646.231.180	(12.973.191.900)	272.473.039.280
Giảm do quyết toán giai đoạn Nhà nước (*)	(9.518.820.403)	-	-	(9.518.820.403)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	88.798.726	88.798.726
Số dư cuối năm nay	275.281.179.597	646.231.180	(12.884.393.174)	263.043.017.603

(*) Theo Quyết định số 628/QĐ-HHVN của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam về việc phê duyệt Báo cáo tài chính, quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ cho người lao động đổi dư và công bố giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa (ngày 31 tháng 3 năm 2015) chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ.



Thái Thị Mỹ Linh
Người lập



Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phương
Quyền Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 07 tháng 02 năm 2018



Cần Thơ, ngày 11 tháng 04 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Phương

